

**BÁO CÁO**  
**QUYẾT TOÁN THU - CHI NSNN NĂM 2018**

Năm 2018 là năm thứ hai trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, có một số thay đổi trong các quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách. Tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn trong năm nhìn chung có nhiều chuyển biến khởi sắc hơn so với năm 2017 do các hoạt động sản xuất, kinh doanh đã có dấu hiệu phục hồi sau ảnh hưởng của sự cố môi trường. Tuy vậy, số thu năm 2018 của HĐND, UBND tỉnh giao vẫn còn cao so với tiềm lực kinh tế của địa phương: Tổng giao thu là 165 tỷ đồng (trong đó, thu tiền sử dụng đất 80 tỷ đồng; các sắc thuế khác: 85 tỷ đồng). Dự đoán tình hình thu ngân sách trong năm có khả năng sẽ không đạt kế hoạch đề ra, UBND huyện đã chủ động trong tăng cường các biện pháp thu ngân sách đồng thời tiết kiệm, cắt giảm các nhiệm vụ chi để đảm bảo cân đối thu - chi ngân sách.

Cùng với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh, sự giúp đỡ của các ngành, các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh, cùng với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị và sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, nhân dân, huyện nhà đã từng bước khắc phục được khó khăn, thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ được giao trong năm.

Số liệu quyết toán thu - chi ngân sách năm 2018 cụ thể như sau:

**A. Thu ngân sách Nhà nước: (Biểu số 01: Thu ngân sách)**

Tổng thu ngân sách địa phương: 1.235.758,1 triệu đồng.

*Phân chia cụ thể các cấp ngân sách:*

- Ngân sách Trung ương:	4.072,4 triệu đồng;
- Ngân sách cấp tỉnh:	26.596,1 triệu đồng;
- Ngân sách cấp huyện:	822.599,3 triệu đồng;
- Ngân sách cấp xã:	382.490,3 triệu đồng.

*Phân chia theo tính chất nguồn thu:*

- Thu nội địa:	260.548,1 triệu đồng;
- Thu chuyển nguồn:	87.492,8 triệu đồng;
- Các khoản huy động đóng góp:	11.502,6 triệu đồng;
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	876.163,3 triệu đồng;
- Thu kết dư từ ngân sách năm trước:	51,3 triệu đồng.

Các chỉ tiêu quyết toán thu ngân sách cụ thể như sau:

1. Quyết toán thu nội địa: 260.548,1 triệu đồng, đạt 154% dự toán HĐND huyện giao và bằng 144% so với cùng kỳ năm 2017. Chi tiết quyết toán thu các sắc thuế năm 2018 cụ thể như sau:

1.1. *Quyết toán thu từ kinh tế quốc doanh*: 236,4 triệu đồng, đạt 12% so với dự toán HĐND huyện giao và bằng 47% so với cùng kỳ năm 2016.

Nhìn chung, chỉ tiêu giao của UBND tỉnh cho huyện đối với thu từ kinh tế quốc doanh là quá cao so với tình hình thực tế tại địa phương. Do vậy, các năm gần đây, chỉ tiêu này đều không đạt so với kế hoạch (năm 2016 chỉ đạt 1%, năm 2017 đạt 20% và năm 2018 đạt 12%).

1.2. *Quyết toán thuế ngoài quốc doanh*: 28.969,3 triệu đồng, đạt 93% so với dự toán HĐND huyện giao và bằng 112% so với cùng kỳ năm 2017.

1.3. *Quyết toán thu lệ phí trước bạ*: 27.615,3 triệu đồng, đạt 110% so với dự toán HĐND huyện giao và bằng 129% so với cùng kỳ năm 2017.

1.4. *Quyết toán thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*: 473.631,4 triệu đồng, đạt 132% so với dự toán HĐND huyện giao và bằng 113% so với cùng kỳ năm 2017.

1.5. *Quyết toán thu Thuế thu nhập cá nhân*: 5.953,7 triệu đồng, đạt 96% so với dự toán HĐND huyện giao và bằng 113% so với cùng kỳ năm 2017.

1.6. *Quyết toán thu Phí, lệ phí*: 3.737,9 triệu đồng, đạt 93% so với dự toán HĐND huyện giao và bằng 93% so với cùng kỳ năm 2017.

1.7. *Quyết toán thu Tiền cấp quyền sử dụng đất*: 160.051,1 triệu đồng, bằng 191% so với dự toán HĐND huyện giao và bằng 156% so với cùng kỳ năm 2017.

1.8. *Quyết toán thu Tiền cho thuê đất, mặt nước*: 16.472,8 triệu đồng, đạt 275% so với dự toán HĐND huyện giao và bằng 211% so với cùng kỳ năm 2017.

Nếu loại trừ khoản ghi thu – ghi chi tiền thuê đất tại xã Cẩm Vịnh (khấu trừ vào chi phí giải phóng mặt bằng cho chủ đầu tư là Công ty CP Trần Châu), số tiền: 14.089,9 tr.đ, tổng số thực hiện trên thực tế là 2.382,9 tr.đ, mới chỉ đạt 40% dự toán và bằng 30% cùng kỳ năm 2017.

1.9. *Quyết toán thu Cấp quyền khai thác khoáng sản*: 143,3 triệu đồng, đạt 6% so với dự toán HĐND huyện giao và bằng 5% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân không đạt là do cấp tỉnh chưa có thông báo đổi với các mỏ trên địa bàn nên không có căn cứ để thực hiện thu. Do vậy, thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn gần như là không có (143,3 tr.đ thu được là từ dự án do trung ương cấp phép cho Công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh từ những năm trước).

1.10. *Thu tại xã*: 8.009,9 triệu đồng, đạt 200% so với dự toán HĐND huyện giao và bằng 125% so với cùng kỳ năm 2017.

1.11. *Quyết toán thu khác ngân sách*: 8.884,8 triệu đồng, bằng 222% dự toán HĐND huyện giao và bằng 240% so với cùng kỳ năm 2017.

Nếu loại trừ khoản ghi thu – ghi chi tiền đất tại xã Cẩm Thành của Công ty CP 36 (khấu trừ vào chi phí cho chủ đầu tư), số tiền 4.494,1 tr.đ và các khoản thu khác thuộc nhiệm vụ thu của ngân sách tỉnh, ngân sách TW phát sinh trên

địa bàn (không có trong chỉ tiêu giao thu và NS huyện, xã không được hưởng theo tỷ lệ điều tiết), số tiền 1.543,0 tr.đ, thu khác ngân sách thực tế là 2.847,6 tr.đ, chỉ đạt 71% so với kế hoạch.

Như vậy, tổng thu nội địa năm 2018 đạt 260.548,1 triệu đồng, bằng 154% so với dự toán. Mặc dù vượt kế hoạch được giao nhưng trong đó chủ yếu là thu tiền cấp quyền sử dụng đất (thu tiền đất là 160.051,1 triệu đồng, chiếm đến 61% tổng nguồn thu). Bên cạnh đó, các khoản ghi thu – ghi chi tiền thuê đất đã được hạch toán ghi chi khấu trừ chi phí cho các chủ đầu tư, không bù đắp được cho cân đối ngân sách huyện cũng chiếm một phần tương đối trong tổng thu ngân sách (18.584,04 tr.đ, chiếm 7% tổng thu). Nếu loại trừ các khoản chi thu – ghi chi (18.584,04 tr.đ, thu đèn bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất công (3.873,1 tr.đ), thu tiền thuê mặt đất, mặt nước (phát sinh 2.382,9 tr.đ ngoài phần ghi thu – chi chi), thu tiền cấp quyền sử dụng đất (160.051,1 tr.đ), thu từ các sắc thuế khác là 75.657,05 triệu đồng, chỉ chiếm 29% tổng số thu và đạt 96% so với kế hoạch (79.000 tr.đ). Phần ngân sách cấp huyện được hưởng theo tỷ lệ điều tiết để đảm bảo chi thường xuyên là 51.537,9 triệu đồng, cấp xã là 16.958,9 triệu đồng, vẫn không đạt so với kế hoạch. Số hụt thu ngân sách cấp huyện năm 2018 là 3.061,4 tr.đ, ngân sách cấp xã là 477,1 tr.đ.

2. Quyết toán thu chuyển nguồn: 87.492,8 triệu đồng. Trong đó thu chuyển nguồn ngân sách cấp huyện: 69.812,2 triệu đồng, ngân sách cấp xã: 17.679,6 triệu đồng. Đây là các nội dung đã phân bổ cho các nội dung chi cụ thể tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, xã, các nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh năm 2017 chưa giải ngân nhưng vẫn còn nhiệm vụ chi.

3. Quyết toán các khoản huy động, đóng góp: 11.502,6 triệu đồng. Đây là các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân để thực hiện xây dựng đường GTNT, kênh mương bê tông, các công trình Nông thôn mới, các công trình khác yêu cầu phải có phần đối ứng nguồn đóng góp của nhân dân.

4. Quyết toán thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 876.163,3 triệu đồng. Sau khi loại trừ phần chi bổ sung cho ngân sách xã, còn lại: 640.179,6 triệu đồng. Trong đó:

- Trợ cấp cân đối: 503.812,7 triệu đồng;
- Trợ cấp có mục tiêu: 136.366,9 triệu đồng.

Trợ cấp cân đối đạt 96% so với dự toán. Nguyên nhân giảm là do tỉnh thu hồi vốn vay tín dụng ưu đãi, vay mua xi măng làm đường GTNT, kênh mương nội đồng (phần do ngân sách huyện, xã đảm bảo).

## B. Chi ngân sách. (Biểu số 02: Chi ngân sách)

Tổng số quyết toán chi NS cấp huyện năm 2018 là: 822.599,3 triệu đồng, nếu loại trừ số chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới: 219.370,9 triệu đồng, thì số chi ngân sách huyện là: 603.228,3 triệu đồng bằng 120% so với dự toán và bằng 108% so với cùng kỳ năm 2017. Quyết toán chi ngân sách năm 2018 cụ thể như sau:

### I. Chi thường xuyên ngân sách cấp huyện :

1. Quyết toán chi Quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể: 31.425,1 triệu đồng đạt 107% so với dự toán và bằng 104% so với cùng kỳ năm 2017. Chi tiết như sau:

1.1. *Văn phòng HĐND – UBND huyện*: 11.954,4 tr.đ, đạt 111% so với dự toán và bằng 107% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương; kinh phí chỉnh lý hồ sơ, lưu trữ dữ liệu; kinh phí lắp đặt thiết bị tại Trung tâm hành chính công; kinh phí chi trả chế độ nghỉ hưu trước tuổi; kinh phí hỗ trợ cán bộ định học theo Quyết định 15/2014/QĐ-UBND ngày 25/3/2014 của UBND tỉnh; kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán. Tổng số tiền: 1.153,8 triệu đồng.

1.2. *Hội đồng nhân dân huyện*: 1.461,1 tr.đ, đạt 101% so với dự toán và bằng 101% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do bổ sung kinh phí phụ cấp đại biểu HĐND do tăng mức lương cơ sở, tổng số tiền: 7,5 tr.đ.

1.3. *Văn phòng Huyện ủy*: 7.517,2 tr.đ, đạt 108% so với dự toán và bằng 102% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do Sở Tài chính hỗ trợ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh ngoài kế hoạch; bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương; hỗ trợ kinh phí cho Ủy ban kiểm tra. Tổng số tiền tăng thêm là: 531,06 triệu đồng.

1.4. *Ban bảo vệ sức khỏe cán bộ*: 1.120,4 tr.đ, đạt 100% so với dự toán và bằng 100% so với cùng kỳ năm 2017.

1.5. *Ủy ban mặt trận tổ quốc*: 1.376,8 tr.đ, đạt 104% so với dự toán và bằng 106% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán, tổng số tiền: 47,9 tr.đ.

1.6. *Huyện đoàn*: 843,8 tr.đ, đạt 103% so với dự toán và bằng 91% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán, tổng số tiền: 26,2 tr.đ.

1.7. *Hội liên hiệp phụ nữ*: 757,06 tr.đ, đạt 108% so với dự toán và bằng 102% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, kinh phí hỗ trợ cán bộ đi học theo Quyết định 15/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh, kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán, tổng số tiền: 55,9 tr.đ.

1.8. *Hội Nông dân*: 826,7 tr.đ, đạt 107% so với dự toán và bằng 116% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán, tổng số tiền tăng thêm: 55,6 tr.đ.

1.9. *Hội Cựu chiến binh*: 442,7 tr.đ, đạt 114% so với dự toán và bằng 84% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, kinh phí chi trả chế độ trợ cấp khi nghỉ làm công tác Hội Cựu chiến binh, Sở Tài chính hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát sinh, tổng số tiền: 54,4 tr.đ.

1.10. Phòng GD&ĐT: 2.120,5 tr.đ, đạt 101% so với dự toán và bằng 98% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán, tổng số tiền: 27,5 tr.đ.

1.11. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật : 126,0 tr.đ, đạt 100% so với dự toán và bằng 100% so với cùng kỳ năm 2017.

1.12. Phòng Tài nguyên – Môi trường: 360,4 tr.đ, đạt 267% so với dự toán và bằng 126% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do bổ sung kinh phí mua chế phẩm sinh học xử lý mùi tại các khu vực tập kết rác thải, kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán, tổng số tiền: 225,4 tr.đ.

1.13. Phòng Tư pháp: 112,9 tr.đ, đạt 105% so với dự toán và bằng 84% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi là do bổ sung kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán, số tiền: 4,9 tr.đ.

1.14. Phòng Nội vụ: 184,9 tr.đ, đạt 103% so với dự toán và bằng 95% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi là do bổ sung kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán, số tiền: 4,9 tr.đ.

1.15. Hội đồng thi đua khen thưởng: 450 tr.đ, đạt 100% so với dự toán và bằng 100% so với cùng kỳ năm 2017.

1.16. Thanh tra huyện: 89,1 tr.đ, đạt 100% so với dự toán và bằng 100% so với cùng kỳ năm 2017.

1.17. Hội khuyến học: 115,8 tr.đ, đạt 102% so với dự toán và bằng 102% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, tổng số tiền: 2,4 tr.đ.

1.18. Hội nạn nhân chất độc da cam: 94,3 tr.đ, đạt 101% so với dự toán và bằng 166% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, tổng số tiền: 1,3 tr.đ.

1.19. Hội thanh niên xung phong: 90,6 tr.đ, đạt 103% so với dự toán và bằng 103% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, tổng số tiền: 2,4 tr.đ.

1.20. Hội bảo trợ người tàn tật: 90,6 tr.đ, đạt 103% so với dự toán và bằng 103% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, tổng số tiền: 2,4 tr.đ.

1.21. *Hỗ trợ các đơn vị đóng trên địa bàn*: 155,0 tr.đ, đạt 124% so với dự toán và bằng 94% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do ngân sách tỉnh hỗ trợ Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ, tổng số tiền: 30 tr.đ.

1.22. *Các chế độ khác*: 1.134,6 triệu đồng, đạt 80% dự toán và bằng 144% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân không đạt so với dự toán là do UBND huyện dự kiến trong năm thu ngân sách không đạt so với kế hoạch nên tạm thời chưa bố trí đối với các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết.

2. Quyết toán chi sự nghiệp giáo dục: 298.576,8 tr.đ, đạt 104% so với dự toán và bằng 105% cùng kỳ năm 2017. Cụ thể như sau:

2.1. *Chi lương, phụ cấp, chi hoạt động, hỗ trợ khác các trường học*: 261.906,7 tr.đ, đạt 105% dự toán và bằng 106% cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng là do bổ sung kinh phí cho các nội dung sau:

- Kinh phí cài cách tiền lương: 8.724,1 tr.đ;
- Kinh phí cài đặt mới, nâng cấp các phần mềm: 1.189,6 tr.đ;
- Kinh phí chi trả chế độ nghỉ hưu trước tuổi: 934,9 tr.đ;
- Ngân sách tỉnh hỗ trợ các trường kinh phí tu sửa, mua sắm cơ sở vật chất: 1.245,8 tr.đ

Tổng kinh phí tăng thêm so với dự toán: 12.094,4 tr.đ.

2.2. *Kinh phí thực hiện Nghị định 116/2010/NĐ-CP, Nghị định 61/2006/NĐ-CP và dự phòng biến động quỹ lương*: 13.401,8 tr.đ, đạt 100% dự toán được giao và bằng 78% so với cùng kỳ năm 2017.

2.3. *Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ 3,4,5 tuổi*: 2.738,8 tr.đ, đạt 184% so với dự toán và bằng 106% so với cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân tăng chi là do cấp bổ sung kinh phí từ nguồn chi chuyển nguồn năm trước, tổng số tiền: 1.248,2 tr.đ.

2.4. *Hỗ trợ học phí học sinh bị ảnh hưởng sự cố môi trường*: Nguồn hỗ trợ học phí học sinh bị ảnh hưởng sự cố môi trường được trích từ tiền Formosa bồi thường, không chi từ nguồn ngân sách các cấp. Số kinh phí được bố trí dự toán 566 tr.đ, Sở Tài chính thu hồi về ngân sách tỉnh thông qua giảm trừ trợ cấp cân đối của ngân sách huyện trong năm 2018.

2.5. *Hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất các trường học*: 16.141,6 tr.đ, đạt 95% so với dự toán và bằng 123% cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân không đạt so với dự toán là do một số công trình trong năm chưa giải ngân hết, bao gồm: Trụ sở Phòng làm việc Phòng GD&ĐT (412,3 tr.đ); Trường TH Cẩm Hưng, hạng mục Nhà hiệu bộ 02 tầng (258,4 tr.đ); Nhà học 06 phòng Trường TH Cẩm Thạch (185,9 tr.đ);

2.6. *Hỗ trợ học sinh khuyết tật*: 402,1 tr.đ, đạt 77% so với dự toán.

2.7. *Hỗ trợ học sinh bán trú các xã đặc biệt khó khăn*: 1.259,7 tr.đ, đạt 172% so với dự toán. Nguyên nhân tăng chi là do cấp bổ sung kinh phí từ nguồn chi chuyển nguồn năm trước, tổng số tiền: 528,7 tr.đ.

2.8. *Chi chung toàn ngành giáo dục*: 1.170 tr.đ, đạt 100% dự toán và bằng 100% cùng kỳ năm 2017.

2.9. *Kinh phí miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo nghị định 86/2015/NĐ-CP*: 1.556,1 tr.đ, đạt 77% so với dự toán và bằng 103% so với cùng kỳ năm 2017.

3. Quyết toán chi *Sự nghiệp Đào tạo và dạy nghề cấp huyện*: 4.855,3 tr.đ, đạt 122% so với dự toán và bằng 107% so với cùng kỳ năm 2017. Chi tiết từng đơn vị như sau:

3.1. *Trung tâm DN-HN&GDTX*: 3.187,8 tr.đ, đạt 100% dự toán và bằng 93% so với cùng kỳ năm 2017.

3.2. *Trung tâm Bồi dưỡng chính trị*: 1.667,4 tr.đ, đạt 212% dự toán và bằng 243% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do ngân sách tỉnh bổ sung kinh phí đào tạo, kinh phí mua sắm trang thiết bị, kinh phí chi trả chế độ nghỉ hưu trước tuổi, kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán, tổng số tiền: 879,3 tr.đ.

4. Quyết toán chi *sự nghiệp văn hóa – thông tin, thể dục – thể thao*: 4.034,7 tr.đ, đạt 109% so với kế hoạch và bằng 85% so với cùng kỳ năm 2017. Chi tiết từng đơn vị như sau:

4.1. *Trung tâm Văn hóa – Thể dục – Thể thao*: 1.567,3 tr.đ, đạt 116% so với dự toán và bằng 101% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do bổ sung kinh phí bào tòn, phát huy dân ca ví giặm, kinh phí chi trả chế độ nghỉ hưu trước tuổi, kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán, tổng số tiền: 211,1 tr.đ.

4.2. *Ban quản lý Khu du lịch Thiên Cầm*: 827,1 tr.đ, đạt 103% so với dự toán và bằng 51% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán, tổng số tiền: 24,3 tr.đ.

4.3. *Đài truyền thanh – Truyền hình*: 1.297,4 tr.đ, đạt 127% so với dự toán và bằng 107% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do bổ sung kinh phí lắp đặt hệ thống loa truyền thanh không dây, kinh phí chi trả chế độ nghỉ hưu trước tuổi, kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán, kinh phí cải cách tiền lương, tổng số tiền: 278,4 tr.đ.

4.4. *Phòng Văn hóa và Thông tin*: 282,9 tr.đ, đạt 124% so với dự toán và bằng 124% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do bổ sung kinh phí tập huấn nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống truyền thanh, kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán, tổng số tiền: 54,9 tr.đ.

4.5. Chi sự nghiệp văn hóa khác: 60.000 đồng, đạt 21% so với dự toán và bằng 50% so với cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân không đạt so với dự toán là do UBND huyện dự kiến trong năm thu ngân sách không đạt so với kế hoạch nên tạm thời chưa bố trí đối với các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết.

5. Quyết toán chi sự nghiệp Y tế: 20.292,9 tr.đ, đạt 111% so với kế hoạch và bằng 107% so với cùng kỳ năm 2017. Chi tiết từng đơn vị như sau:

5.1. Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình: 1.790,9 tr.đ, đạt 237% so với dự toán và bằng 142% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do bổ sung các nhiệm vụ: Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu Y tế - Dân số năm 2018 (365,4 tr.đ); kinh phí thực hiện các chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình và phòng chống HIV/AIDS (502,7 tr.đ); kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (25,09 tr.đ), kinh phí chi trả chế độ nghỉ hưu trước tuổi (137,5 tr.đ), kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán (4,9 tr.đ). Tổng kinh phí tăng thêm so với dự toán: 1.035,6 tr.đ.

5.2. Trung tâm y tế dự phòng: 4.500,3 tr.đ, đạt 128% so với dự toán và bằng 107% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi là do bổ sung các nhiệm vụ: Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu y tế - dân số (401,1 tr.đ); kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (449,8 tr.đ), kinh phí chi trả chế độ nghỉ hưu trước tuổi (86,3 tr.đ), kinh phí hỗ trợ cán bộ đi học theo chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân (40 tr.đ), kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán (4,2 tr.đ).

5.3. Viên chức y tế xã (chi qua Trung tâm Y tế dự phòng): 13.870,5 tr.đ, đạt 100% so với dự toán và bằng 105% so với cùng kỳ năm 2017.

5.3. Phòng Y tế: 101,2 tr.đ, đạt 105% so với dự toán và bằng 105% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi là do bổ sung kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán, số tiền: 4,9 tr.đ.

5.4. Bệnh viện đa khoa huyện: 30,0 tr.đ, đạt 100% so với dự toán và bằng 17% cùng kỳ năm 2017.

6. Quyết toán chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 52.855,6 tr.đ, đạt 110% so với dự toán và bằng 100% cùng kỳ năm 2017. Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

6.1. Hội chữ thập đỏ: 246,3 tr.đ, đạt 113% so với dự toán và bằng 117% cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do bổ sung kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương, kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán, số tiền: 28,6 tr.đ.

6.2. Hội người mù: 255,4 tr.đ, đạt 109% so với dự toán và bằng 106% cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do bổ sung kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương, kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán, số tiền: 16,6 tr.đ.

6.3. Hội người cao tuổi: 110,2 tr.đ, đạt 103% so với dự toán và bằng 106% cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do bổ sung kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương, số tiền: 3,2 tr.đ.

6.4. Phòng LD-TB&XH: 642,3 tr.đ, đạt 246% so với dự toán và bằng 1168% cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do bổ sung kinh phí mua gạo trợ giúp thiều đói nhân dịp Tết Nguyên đán (207,0 tr.đ); kinh phí tổ chức trao quà tết, quà ngày thương binh, liệt sỹ (2,0 tr.đ); kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội năm (83,4 tr.đ); kinh phí thực hiện chương trình giảm nghèo (84,0 tr.đ); kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán (4,9 t.đ). Tổng số tiền tăng thêm so với dự toán: 381,3 tr.đ.

6.5. Ngân hàng chính sách huyện: 20,0 tr.đ, đạt 100% so với dự toán và bằng 9% cùng kỳ năm 2017.

6.6. Bảo hiểm y tế người nghèo: 4.111,1 tr.đ, đạt 100% so với dự toán và bằng 103% cùng kỳ năm 2017.

6.7. Bảo hiểm y tế đối tượng bảo trợ xã hội: 3.662,0 tr.đ, đạt 100% so với dự toán và bằng 96% cùng kỳ năm 2017.

6.8. Trợ cấp thường xuyên cho các đối tượng bảo trợ xã hội: 35.155,0 tr.đ, đạt 90% so với dự toán và bằng 99% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân giảm chi so với dự toán là do số đối tượng thực tế ít hơn so với số lập dự toán. Kinh phí còn thừa: 4.075,0 tr.đ (Sở Tài chính sẽ giảm trừ trợ cấp cân đối năm 2019 của huyện).

6.9. Chi đảm bảo xã hội khác: 300,3 tr.đ, đạt 90% so với dự toán và bằng 99% cùng kỳ năm 2017.

6.10. Tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội: 2.842,04 tr.đ, bằng 78% so với cùng kỳ năm 2017.

6.11. Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở: 540,0 tr.đ, bằng 1.350% so với cùng kỳ năm 2017.

6.12. Bảo hiểm y tế cựu chiến binh, thanh niên xung phong, dân quân du kích: 4.165,9 tr.đ, bằng 102% so với cùng kỳ năm 2017.

6.13. Ban chỉ đạo giảm nghèo: 805,0 tr.đ. Đây là kinh phí ngân sách tỉnh bổ sung để thực hiện các chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

7. Quyết toán chi sự nghiệp an ninh: 1.480,0 tr.đ, đạt 123% so với dự toán và bằng 145% cùng kỳ năm 2017. Chi tiết như sau:

7.1. Công an huyện: 1.280,0 tr.đ, đạt 316% so với dự toán và bằng 156% cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ an ninh, nhiệm vụ đột xuất phát sinh trên địa bàn, kinh phí trang bị xe chuyên dùng, tổng số tiền: 875,0 tr.đ.

7.2. Chi từ nguồn phạt an toàn giao thông: Không thực hiện do trong năm Sở Tài chính đã giảm trừ trợ cấp cân đối ngân sách huyện số tiền 600,0 tr.đ để chuyển về chi tại ngân sách cấp tỉnh.

7.3. *Hỗ trợ nhiệm vụ an ninh khác*: 200 tr.đ, đạt 100% dự toán và bằng 100% so với cùng kỳ năm 2017

8. Quyết toán chi sự nghiệp quốc phòng: 4.477,2 tr.đ, đạt 174% so với dự toán và bằng 84% cùng kỳ năm 2017. Cụ thể như sau:

8.1. *Ban chỉ huy quân sự huyện*: 4.347,3 tr.đ, đạt 173% so với dự toán và bằng 83% cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do bổ sung kinh phí huấn luyện, trả ngày công lao động và chế độ khác đối với dân quân tự vệ: 1.827,3 tr.đ (Chuyển giao nhiệm vụ chi từ ngân sách cấp xã về cho ngân sách cấp huyện).

8.2. *Hỗ trợ các đơn vị khác thuộc khối quân sự*: 100,0 tr.đ, đạt 250% so với dự toán và bằng 167% cùng kỳ năm 2016.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán: Ngân sách tỉnh hỗ trợ Đồn biên phòng Thiên Cầm kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất, số tiền: 60,0 tr.đ.

9. Quyết toán chi sự nghiệp kinh tế: 38.013,2 tr.đ, đạt 100% dự toán và bằng 114% cùng kỳ năm 2017. Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

9.1. *Trung tâm Ứng dụng KHKT&BVCTVN*: 1.773,08 tr.đ, đạt 101% dự toán và bằng 91% cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do ngân sách tỉnh bổ sung kinh phí nghiên thu chính sách bò lai (4,8 tr.đ) và kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán (4,9 tr.đ). Tổng phát sinh tăng so với dự toán: 9,7 tr.đ.

9.2. *Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất*: 223,5 tr.đ, đạt 102% dự toán và bằng 96% cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do bổ sung kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán, số tiền: 4,9 tr.đ.

9.3. *Phòng NN&PTNT*: 1.505,9 tr.đ, đạt 318% dự toán và bằng 222% cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do ngân sách tỉnh bổ sung kinh phí hỗ trợ giống sản xuất vụ Đông và kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán, tổng số tiền: 1.031,7 tr.đ.

9.4. *Phòng Kinh tế và Hạ tầng*: 274,9 tr.đ, đạt 102% dự toán và bằng 102% cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do bổ sung kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán, tổng số tiền: 4,9 tr.đ.

9.5. *Văn phòng Nông thôn mới*: 1.059,9 tr.đ, đạt 168% dự toán và bằng 168% cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do ngân sách tỉnh bổ sung kinh phí tuyên truyền, tập huấn, chỉ đạo xây dựng nông thôn mới (375,0 tr.đ); kinh phí giám sát thực hiện chương trình nông thôn mới (50,0 tr.đ); kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán (4,9 tr.đ). Tổng phát sinh tăng: 429,9 tr.đ.

9.6. *Kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa*: 10.768,1 tr.đ, đạt 96% so với dự toán và bằng 107% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân giảm chi so với dự toán: Một số công trình chưa hoàn thành, quyết toán. Phần kinh phí còn lại (442,8 tr.đ) chuyển nguồn sang năm 2018 để tiếp tục thực hiện.

9.7. *Kinh phí cấp bù miễn giảm thủy lợi phí*: 3.198,7 tr.đ, đạt 96% dự toán và bằng 119% cùng kỳ năm 2017. Phần kinh phí còn dư Sở Tài chính sẽ giảm trừ dự toán năm sau của ngân sách cấp huyện.

9.8. *Hỗ trợ thực hiện các đề án, chính sách*: 18.283,9 tr.đ, đạt 98% so với dự toán và bằng 192% cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân không đạt so với dự toán là một số nội dung chưa giải ngân hết, bao gồm: Hỗ trợ các đơn vị mua sắm tài sản (174,2 tr.đ); Quy hoạch cụm công nghiệp hậu cần nghề cá (100,0 tr.đ); Công trình Cầu Khe Su xã Cẩm Minh (31,6 tr.đ). Số kinh phí còn dư được chi chuyển nguồn sang năm 2019 để tiếp tục thực hiện.

9.9. *Sự nghiệp kiến thiết thi chính*: 465,4 tr.đ, đạt 47% so với dự toán và bằng 76% cùng kỳ năm 2016.

9.10. *Chi sự nghiệp kinh tế khác*: Không thực hiện chi. Nguyên nhân: Do UBND huyện dự kiến trong năm thu ngân sách không đạt so với kế hoạch nên tạm thời chưa bố trí đối với các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết.

10. Quyết toán chi sự nghiệp môi trường: 7.365,6 tr.đ, đạt 189% dự toán và bằng 226% cùng kỳ năm 2016. Nguyên nhân tăng chi so với dự toán là do UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí trả nợ xử lý rác thải trên địa bàn, tổng số tiền: 3.637,2 tr.đ.

11. Quyết toán chi biến động tiền lương và một số nhiệm vụ khác: 3.083,4 tr.đ, đạt 90% dự toán và bằng 586% cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân: Do UBND huyện dự kiến trong năm thu ngân sách không đạt so với kế hoạch nên tạm thời chưa bố trí đối với các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết.

12. Quyết toán chi khác ngân sách: 3.014,4 tr.đ, đạt 98% dự toán và bằng 161% so với cùng kỳ năm 2017.

12.1. *Chi khác ngân sách theo định mức*: 2.639,4 tr.đ, đạt 100% dự toán và bằng 207% cùng kỳ năm 2017:

12.2. *Ban phòng chống lụt bão*: 30,0 tr.đ, đạt 20% dự toán và bằng 22% cùng kỳ năm 2017.

12.3. *Hỗ trợ các đơn vị*: 345,0 tr.đ, đạt 117% dự toán và bằng 95% cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân tăng chi là do ngân sách tỉnh hỗ trợ Chi cục thống kê (20,0 tr.đ) và Bảo hiểm xã hội huyện (30,0 tr.đ).

13. Quyết toán chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương: 707,4 tr.đ, đạt 100% dự toán và bằng 54% so với cùng kỳ năm 2017.

14. Quyết toán chi dự phòng ngân sách: 1.627,6 tr.đ, đạt 20% dự toán và bằng 50% cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân không đạt: Cắt giảm nhiệm vụ chi 3.061,4 tr.đ để bù hụt thu ngân sách. Phần dự phòng còn lại chưa sử dụng là 3.329,0 tr.đ chuyển nguồn sang năm 2019 để tiếp tục triển khai thực hiện

## **II. Quyết toán chi đầu tư – phát triển ngân sách cấp huyện:**

Tổng chi đầu tư – phát triển trong năm: 76.011,7 tr.đ, đạt 118% dự toán và bằng 173% cùng kỳ năm 2017. Cụ thể như sau:

1. Chi ĐTPT từ nguồn thu tiền cấp quyền sử dụng đất: 31.720,3 tr.đ, đạt 92% dự toán và bằng 136% cùng kỳ năm 2017.

2. Chi ĐTPT từ nguồn tăng thu tiền đất: 22.402,3 tr.đ, đạt 82% so với số kinh phí được bố trí và bằng 624% so với cùng kỳ năm 2017.

3. Chi ĐTPT từ nguồn chuyển nguồn năm trước: 21.585,7 tr.đ, đạt 150% so với cùng kỳ năm 2017.

4. Chi ĐTPT từ nguồn ngân sách tỉnh bù sung: 303,4 tr.đ, đạt 11% so với cùng kỳ năm 2017.

### **III. Quyết toán chi bù sung ngân sách cấp dưới:**

Tổng chi bù sung cho ngân sáp xã: 219.370,9 tr.đ, đạt 187% dự toán và bằng 125% cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân tăng chi so với dự toán: Do bù sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ chưa bố trí trong dự toán.

### **IV. Quyết toán chi chuyển nguồn sang năm sau ngân sách cấp huyện:**

Số quyết toán chi chuyển nguồn ngân sách là 55.437,3 triệu đồng. Đây là các khoản bù sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh, các khoản bố trí dự toán ngân sách năm 2018 chưa thực hiện nhưng vẫn còn nội dung chi, chuyển nguồn sang năm ngân sách 2019 để tiếp tục thực hiện.

Trên đây là nội dung báo cáo quyết toán ngân sách, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách năm 2018. Ủy ban nhân dân huyện kính trình HĐND huyện khóa XIX, kỳ họp thứ 8 xem xét.

#### **Noi nhận:**

- Sở Tài chính;
- TTr. Huyện ủy;
- TTr. HĐND Huyện;
- Đại biểu HĐND Huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Chi cục thuế;
- Lưu VT, TCKH.



## QUYẾT TOÁN THU NSNN NĂM 2018

DVT: Đồng.

TT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh (%)		
		UBND tỉnh giao	HNND huyện quyết định		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	UBND tỉnh giao	HNND huyện quyết định	Quyết toán NS 2017
	<b>TỔNG SỐ (A+B+C+D)</b>	<b>796.135.000.000</b>	<b>800.135.000.000</b>	<b>1.235.758.136.781</b>	<b>4.072.413.990</b>	<b>26.596.143.085</b>	<b>822.599.263.871</b>	<b>382.490.315.835</b>	<b>155</b>	<b>154</b>	<b>119</b>
A	<b>THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>165.000.000.000</b>	<b>169.000.000.000</b>	<b>272.050.778.729</b>	<b>4.072.413.990</b>	<b>26.596.143.085</b>	<b>112.596.212.717</b>	<b>128.786.008.937</b>	<b>165</b>	<b>161</b>	<b>141</b>
I	<b>Thu nội địa</b>	<b>165.000.000.000</b>	<b>169.000.000.000</b>	<b>260.548.189.629</b>	<b>4.072.413.990</b>	<b>26.596.143.085</b>	<b>112.596.212.717</b>	<b>117.283.419.837</b>	<b>158</b>	<b>154</b>	<b>144</b>
1	<i>Thu từ khu vực DN NN</i>	<i>1.940.000.000</i>	<i>1.940.000.000</i>	<i>236.383.633</i>	<i>1.468.860</i>	<i>135.309.458</i>	<i>97.725.515</i>	<i>1.879.800</i>	<i>12</i>	<i>12</i>	<i>47</i>
-	Thuế GTGT - TNDN			236.383.633	1.468.860	135.309.458	97.725.515	1.879.800	-	-	-
-	Thuế Tiêu thụ đặc biệt			-	-	-	-	-	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên			-	-	-	-	-	-	-	-
2	<i>Thu từ khu vực doanh nghiệp có VDT nước ngoài</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	Thuế GTGT - TNDN			-	-	-	-	-	-	-	-
-	Thuế Tiêu thụ đặc biệt			-	-	-	-	-	-	-	-
-	Tiền thuê đất, mặt nước			-	-	-	-	-	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên			-	-	-	-	-	-	-	-
3	<i>Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh</i>	<i>31.000.000.000</i>	<i>31.000.000.000</i>	<i>28.969.296.476</i>	<i>269.715.324</i>	<i>86.925.145</i>	<i>20.561.203.042</i>	<i>8.051.452.965</i>	<i>93</i>	<i>93</i>	<i>112</i>
-	Thuế GTGT - TNDN	28.270.000.000	28.678.000.000	25.615.974.896	219.776.366	86.707.145	17.961.160.297	7.348.331.088	91	89	111
-	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	130.000.000	-	141.521.802	-	-	70.760.899	70.760.903	109	-	102
-	Tiền thuê đất, mặt nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	2.500.000.000	2.322.000.000	3.211.799.778	49.938.958	218.000	2.529.281.846	632.360.974	128	138	126
4	<i>Lệ phí trước bạ</i>	<i>25.000.000.000</i>	<i>25.000.000.000</i>	<i>27.615.344.870</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>24.467.737.480</i>	<i>3.147.607.390</i>	<i>110</i>	<i>110</i>	<i>129</i>
5	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
6	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	<i>360.000.000</i>	<i>360.000.000</i>	<i>473.631.452</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>473.631.452</i>	<i>132</i>	<i>132</i>	<i>113</i>
7	<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>6.200.000.000</i>	<i>6.200.000.000</i>	<i>5.953.715.282</i>	<i>5.915.038</i>	<i>2.973.899.747</i>	<i>2.973.900.497</i>	<i>-</i>	<i>96</i>	<i>96</i>	<i>113</i>
8	<i>Thuế bảo vệ môi trường</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
9	<i>Phí, lệ phí</i>	<i>4.000.000.000</i>	<i>4.000.000.000</i>	<i>3.737.973.044</i>	<i>712.866.070</i>	<i>4.000.000</i>	<i>1.873.442.974</i>	<i>1.147.664.000</i>	<i>93</i>	<i>93</i>	<i>83</i>
10	<i>Tiền sử dụng đất</i>	<i>80.000.000.000</i>	<i>84.000.000.000</i>	<i>160.051.146.171</i>	<i>-</i>	<i>17.616.460.724</i>	<i>61.058.214.101</i>	<i>81.376.471.346</i>	<i>200</i>	<i>191</i>	<i>156</i>
11	<i>Tiền thuê đất, mặt nước</i>	<i>6.000.000.000</i>	<i>6.000.000.000</i>	<i>16.472.808.577</i>	<i>-</i>	<i>698.979.808</i>	<i>698.979.814</i>	<i>15.074.848.955</i>	<i>275</i>	<i>275</i>	<i>211</i>
12	<i>Thu cấp quyền khai thác khoáng sản</i>	<i>2.500.000.000</i>	<i>2.500.000.000</i>	<i>143.273.424</i>	<i>91.363.440</i>	<i>33.434.079</i>	<i>18.475.905</i>	<i>-</i>	<i>6</i>	<i>6</i>	<i>5</i>
13	<i>Thu tai xã</i>	<i>4.000.000.000</i>	<i>4.000.000.000</i>	<i>8.009.863.929</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>8.009.863.929</i>	<i>200</i>	<i>200</i>	<i>125</i>
-	Thu bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất			3.873.100.000	-	-	-	3.873.100.000	-	-	172
-	Thu từ quỹ đất công ích và đất công			585.199.328	-	-	-	585.199.328	-	-	98
-	Thu phạt			80.880.000	-	-	-	80.880.000	-	-	170
-	Thu tịch thu			-	-	-	-	-	-	-	-
-	Thu hồi các khoản chi năm trước			4.801.000	-	-	-	4.801.000	-	-	11
-	Thu bán, cho thuê tài sản			-	-	-	-	-	-	-	-



-	Thu khác ngân sách còn lại			3.465.883.601	-	-	-	3.465.883.601	-	-	100,-
14	Thu khác ngân sách	4.000.000.000	4.000.000.000	8.884.752.771	2.991.085.258	5.047.134.124	846.533.389	-	222	222	240,-
-	Thu phạt an toàn giao thông	2.000.000.000	2.000.000.000	1.587.095.000	1.401.095.000	-	186.000.000	-	79	79	136
-	Thu phạt (không bao gồm phạt ATGT)			1.229.125.858	937.225.858	202.650.000	89.250.000	-	-	-	3.193
-	Thu tịch thu			317.943.500	140.702.500	-	177.241.000	-	-	-	-
-	Thu hồi các khoản chi năm trước			211.759.100	199.399.100	-	12.360.000	-	-	-	659
-	Thu bán, cho thuê tài sản			-	-	-	-	-	-	-	-
-	Thu khác ngân sách còn lại	2.000.000.000	2.000.000.000	5.538.829.313	312.662.800	4.844.484.124	381.682.389	-	277	277	10.000
II	Thu viện trợ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III	Các khoản huy động, đóng góp	-	-	11.502.589.100	-	-	-	11.502.589.100	-	-	96
1	Các khoản huy động đóng góp XD cơ sở hạ tầng	-	-	10.658.346.700	-	-	-	10.658.346.700	-	-	100
2	Các khoản huy động đóng góp khác	-	-	844.242.400	-	-	-	844.242.400	-	-	69
B	THU CHUYÊN GIAO NGÂN SÁCH	631.135.000.000	631.135.000.000	876.163.300.000	-	-	640.179.635.000	235.983.665.000	139	139	113
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	631.135.000.000	631.135.000.000	876.163.300.000	-	-	640.179.635.000	235.983.665.000	139	139	113
1	Bổ sung cân đối	631.135.000.000	631.135.000.000	603.888.046.000	-	-	503.812.689.000	100.075.357.000	96	96	113
2	Bổ sung có mục tiêu	-	-	272.275.254.000	-	-	136.366.946.000	135.908.308.000	-	-	114
II	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
C	THU CHUYÊN NGUỒN	-	-	87.492.803.052	-	-	69.813.216.154	17.679.586.898	-	-	130
D	THU KẾT DỰ NGÂN SÁCH	-	-	51.255.000	-	-	10.200.000	41.055.000	-	-	7

2k



## BIỂU TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2018

ĐVT: Nghìn đồng.

STT	Nội dung	Dự toán 2018 sau khi trừ tiết kiệm chi và phân bổ tăng thu tiền đất	Quyết toán chi ngân sách năm 2018	So sánh quyết toán 2018 (%)		Ghi chú
				So với dự toán được giao	So với quyết toán năm 2017	
A	B	C	D	E	F	G
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN (A+B)	630.200.696.503	822.599.263.871	131	112	
A	CHI CÂN ĐÓI NGÂN SÁCH	513.020.696.503	603.228.307.035	118	108	
I	Chi đầu tư phát triển	61.646.296.503	76.011.731.528	123	172	
1	Chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền cấp quyền sử dụng đất	34.337.500.000	31.720.344.000	92	136	
+	Công trình: Đê cửa sông Lộc - Hà	2.000.000.000	2.000.000.000	100	-	
+	Công trình: Đập khe lau Cẩm Linh	2.000.000.000	2.000.000.000	100	-	
+	Hỗ trợ xi măng làm đường GTNT và kênh mương nội đồng năm 2017	4.000.000.000	3.270.250.000	82	-	
+	Chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn; kinh phí thực hiện Đề án tiêu phòng, Đề án trồng cam chất lượng cao	2.007.500.000	1.133.530.000	56	-	
+	Quy hoạch phân khu Thị trấn Thiên Cầm	1.500.000.000	600.000.000	40	-	
+	Dự án: Nâng cấp đường trục chính xã Cẩm Minh	480.000.000	480.000.000	100	-	
+	Quy hoạch thương mại tổng hợp nam Cẩm Xuyên	100.000.000	-	-	-	
+	Quy hoạch Khu du lịch sinh thái Kẽ Gỗ	500.000.000	500.000.000	100	-	
+	Đè án xử lý rác thải	400.000.000	400.000.000	100	-	
+	Đè án nâng cao chất lượng hệ thống truyền thanh	300.000.000	300.000.000	100	-	
+	Đè án Luật cư trú	200.000.000	200.000.000	100	-	
+	Đối ứng vốn ủy thác cho vay Ngân hàng chính sách	200.000.000	200.000.000	100	-	
+	Bổ sung Quỹ Hội nông dân	100.000.000	100.000.000	100	-	
+	Hỗ trợ xây dựng Nhà làm việc xã Cẩm Trung	2.500.000.000	2.486.564.000	99	-	
+	Hỗ trợ xã về đích nông thôn mới và hỗ trợ khác	3.000.000.000	3.000.000.000	100	-	
+	Duy tu đường giao thông năm 2018 (bô trí dự toán)	1.300.000.000	1.300.000.000	100	-	
+	Xây dựng Hạ tầng khu đô thị ven Sông Hồi	13.750.000.000	13.750.000.000	100	-	
2	Chi Đầu tư phát triển từ nguồn tăng thu tiền cấp quyền sử dụng đất	27.308.796.503	22.402.283.503	82	624	
+	Tăng thu đợt 1: Nhà học 12 phòng và kè chống sạt lở bờ sông khe Dinh Trường TH Cẩm Linh	1.500.000.000	605.826.000	40	-	
+	Tăng thu đợt 1: Dự án kiên cố hóa phòng học các trường MN, tiểu học xã ĐBK	670.000.000	594.352.000	89	-	
+	Tăng thu đợt 1: Đường vào Trung tâm thương mại Chợ Hồi	790.000.000	614.880.000	78	-	
+	Tăng thu đợt 1: Nâng cấp, sửa chữa Đường Nguyễn Đình Liễn, đoạn từ QL 1A đến huyện lộ 4	900.000.000	698.404.000	78	-	
+	Tăng thu đợt 1: Trạm y tế xã Cẩm Sơn	500.000.000	500.000.000	100	-	
+	Tăng thu đợt 1: Khắc phục cấp bách điện chiếu sáng Khu du lịch Thiên Cầm sau bão số 10	609.000.000	524.723.000	86	-	
+	Tăng thu đợt 1: Cầu Khe Su, xã Cẩm Minh	250.000.000	250.000.000	100	-	
+	Tăng thu đợt 1: Cải tạo, nâng cấp Chợ Cừa, xã Cẩm Hòa	350.000.000	350.000.000	100	-	
+	Tăng thu đợt 1: Trường TH Cẩm Duệ, hạng mục nhà học 8 phòng 2 tầng	500.000.000	500.000.000	100	-	
+	Tăng thu đợt 1: Đường giao thông Cẩm Hưng - Cẩm Lạc	600.000.000	600.000.000	100	-	
+	Tăng thu đợt 1: Sửa chữa, nâng cấp cổng thoát lũ dập sóng Quèn	1.200.000.000	-	-	-	
+	Tăng thu đợt 1: Nâng cấp đường Duệ - Thành đoạn từ Trường tiểu học xuống trường mầm non xã Cẩm Duệ	500.000.000	388.700.000	78	-	
+	Tăng thu đợt 1: Khắc phục cấp bách đường trực xã TX70 xã Cẩm Thắng	450.000.000	450.000.000	100	-	
+	Tăng thu đợt 1: Mương thoát nước và lát gạch phía trước hội trường, Trụ sở UBND xã Cẩm Dương	300.000.000	300.000.000	100	-	
+	Tăng thu đợt 1: Hạ tầng kỹ thuật vùng nuôi tôm trên cát thôn Mỹ Hòa, xã Cẩm Hòa	360.000.000	360.000.000	100	-	

STT	Nội dung	Dự toán 2018 sau khi trừ tiết kiệm chi và phân bổ tăng thu tiền đất	Quyết toán chi ngân sách năm 2018	So sánh quyết toán 2018 (%)		Ghi chú
				So với dự toán được giao	So với quyết toán năm 2017	
A	B	C	D	E	F	G
+ Tăng thu đợt 1: Xây dựng hàng rào nghĩa trang Khu du lịch Thiền Cầm, huyện Cầm Xuyên	168.000.000	116.227.000	69	-		
+ Tăng thu đợt 1: Lắp đặt thiết bị Trung tâm hành chính công huyện	460.000.000	-	-	-		
+ Tăng thu đợt 1: Xây dựng công thôn tin điện tử huyện	70.000.000	40.000.000	57	-		
+ Tăng thu đợt 1: Đường tránh lũ từ BCH Quân sự huyện nối đường Công an huyện	88.000.000	53.073.000	60	-		
+ Tăng thu đợt 1: Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc BQL Dự án huyện	350.000.000	166.796.000	48	-		
+ Tăng thu đợt 1: Sửa chữa, nâng cấp dập Khe lau xã Cầm Lĩnh	540.000.000	540.000.000	100	-		
+ Tăng thu đợt 1: Xây dựng cáp bách giàn mái bờ sông phía hạ lưu cầu Vạn Thành, xã Cầm Thạch	1.000.000.000	-	-	-		
+ Tăng thu đợt 1: Đường tránh Trường THPT Nguyễn Dinh Liễn	200.000.000	200.000.000	100	-		
+ Tăng thu đợt 2: Hỗ trợ các tuyến đường trực thôn, xóm và nội đồng xã Cầm Yên	650.000.000	650.000.000	100	-		
+ Tăng thu đợt 2: Hỗ trợ trả nợ xây dựng nhà văn hóa thôn Mỹ Hòa, xã Cầm Hòa	50.000.000	50.000.000	100	-		
+ Tăng thu đợt 2: Hỗ trợ công giếng vòng dẫn nước qua trạm bơm thôn 7,8 xã Cầm Lộc	200.000.000	200.000.000	100	-		
+ Tăng thu đợt 2: Hỗ trợ trả nợ các công trình xây dựng cơ bản xã Cầm Thành	500.000.000	500.000.000	100	-		
+ Tăng thu đợt 2: Hỗ trợ trả nợ công trình Trường mầm non xã Cầm Duệ	1.000.000.000	1.000.000.000	100	-		
+ Tăng thu đợt 2: Hỗ trợ trả nợ xây dựng mương thoát nước thị trấn Cầm Xuyên	200.000.000	200.000.000	100	-		
+ Tăng thu đợt 2: Hỗ trợ trả nợ đường giao thông thôn 1 đi thôn 2 xã Cầm Huy	300.000.000	300.000.000	100	-		
+ Tăng thu đợt 2: Hỗ trợ trả nợ các công trình XD duy tu bảo dưỡng huyện	450.000.000	342.388.000	76	-		
+ Tăng thu đợt 2: Nâng cấp đoạn đê ngăn mặn thôn Thành Xuân, xã Cầm Hà	100.000.000	100.000.000	100	-		
+ Tăng thu đợt 2: Đề án rác thải	200.000.000	-	-	-		
+ Tăng thu đợt 2: Trả nợ Nâng cấp đường trực chính đi qua trung tâm xã Cầm Hòa	400.000.000	400.000.000	100	-		
+ Tăng thu đợt 2: Hỗ trợ trả nợ đường trực chính xã Cầm Minh	260.000.000	260.000.000	100	-		
+ Tăng thu đợt 2: Hỗ trợ trả nợ Trường TH xã Cầm Nam	240.000.000	240.000.000	100	-		
+ Tăng thu đợt 2: Đường nội thị vào Nghĩa trang Liệt sỹ huyện Cầm Xuyên	450.000.000	353.118.000	78	-		
+ Tăng thu đợt 2: Xây dựng đường giao thông từ thôn Mỹ Triều đi thôn Vinh Phú xã Cầm Quan	1.300.000.000	1.300.000.000	100	-		
+ Xây dựng Hạ tầng khu đô thị ven Sông Hội	8.653.796.503	8.653.796.503	100	-		
<b>3 Chi đầu tư phát triển từ nguồn kinh phí chi chuyển nguồn năm trước</b>	-	<b>21.585.715.025</b>	-	<b>150</b>		
+ Cải tạo nhà làm việc 03 tầng UBND huyện	-	1.041.180.000	-	-		
+ Cầu Bến Voi - xã Cầm Duệ	-	3.000.000.000	-	-		
+ Cầu Khe Su - Xã Cầm Minh	-	250.000.000	-	-		
+ Công trình: Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Huyện ủy (nhà số 2)	-	2.300.000.528	-	-		
+ Đường 07, xã Cầm Thạch, huyện Cầm Xuyên	-	69.921.000	-	-		
+ Đường GT Nam Thành - Yên Thành, Cầm Nam	-	400.000.000	-	-		
+ Đường GTNT xã Cầm Duệ	-	280.000.000	-	-		
+ Đường giao thông Cầm Hưng - Cầm Lạc	-	185.974.000	-	-		
+ Đường liên thôn Yên Trung - Thường Xuân, xã Cầm Thịnh	-	619.017.000	-	-		
+ Đường ra dòng thôn 3, xã Cầm Sơn	-	10.967.000	-	-		
+ Đường trực xã Cầm Minh, hạng mục: Cống thoát nước	-	15.222.000	-	-		
+ Kênh chống hạn cồn cát, thôn 15, xã Cầm Hưng	-	-	-	-		
+ Khắc phục cấp bách trước mùa mưa bão cầu Trú Sờ	-	80.682.000	-	-		
+ Khắc phục cấp bách tuyến kênh tưới thôn Mỹ Dung, Thường Kiệt, xã Cầm Duệ	-	107.217.000	-	-		

STT	Nội dung	Dự toán 2018 sau khi trừ tiết kiệm chi và phân bổ tăng thu tiền đất	Quyết toán chi ngân sách năm 2018	So sánh quyết toán 2018 (%)		Ghi chú
				So với dự toán được giao	So với quyết toán năm 2017	
A	B	C	D	E	F	G
+ Khắc phục cấp bách tuyến kênh trạm bơm số 01, thôn Ngu Phúc, xã Cẩm Vinh	-	19.700.000	-	-		
+ Khắc phục hệ thống điện chiếu sáng Khu du lịch Thiên Cầm thiệt hại do bão số 10	-	520.037.000	-	-		
+ Mương tiêu nước Cẩm Thành di Cẩm Quang	-	6.670.000	-	-		
+ Nâng cấp công thông tin điện tử huyện	-	230.000.000	-	-		
+ Nâng cấp đường trục chính xã Cẩm Hòa	-	1.500.000.000	-	-		
+ Nâng cấp tuyến đường liên thôn xã Cẩm Sơn (đoạn từ QL 1A đến Cầu Làng)	-	230.000.000	-	-		
+ Nhà học 02 tầng 06 phòng Trường TH Cẩm Thạch	-	1.300.000.000	-	-		
+ Phòng GD&ĐT huyện (nhà làm việc 02 tầng)	-	110.905.000	-	-		
+ Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc BQL dự án huyện	-	1.200.000.000	-	-		
+ Trường TH Cẩm Hưng (nhà hiệu bộ 02 tầng)	-	317.428.000	-	-		
+ Xây dựng hạ tầng khu đô thị ven sông Hội	-	5.036.172.497	-	-		
+ Quy hoạch chi tiết Thị trấn Cẩm Xuyên	-	1.500.000.000	-	-		
+ Nâng cấp, mở rộng nghĩa trang liệt sỹ huyện	-	336.811.000	-	-		
+ Khắc phục khẩn cấp hệ thống cây xanh bị gãy đổ tại Khu du lịch Thiên Cầm sau bão số 10 năm 2017	-	800.000.000	-	-		
+ Duy tu đường giao thông năm 2018	-	117.811.000	-	-		
<b>4 Chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung trong năm</b>	<b>-</b>	<b>303.389.000</b>	<b>-</b>	<b>11</b>		
+ Nâng cấp, mở rộng đường vào Trung tâm xã Cẩm Vinh (đoạn từ Km16+62 tuyến tránh Tp. Hà Tĩnh)	-	303.389.000	-	-		
<b>II Chi thường xuyên</b>	<b>442.649.043.000</b>	<b>469.444.338.000</b>	<b>106</b>	<b>107</b>		
<b>1 Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể</b>	<b>29.472.356.000</b>	<b>31.425.116.000</b>	<b>107</b>	<b>104</b>		
1.1 Văn phòng HĐND-UBND huyện	10.800.564.000	11.954.381.000	111	107		
1.2 HĐND huyện	1.453.344.000	1.461.120.000	101	101		
1.3 VP Huyện ủy	6.986.159.000	7.517.224.000	108	102		
1.4 Ban bảo vệ sức khỏe cán bộ	1.116.550.000	1.120.438.000	100	100		
1.5 UBMT Tổ Quốc	1.328.876.000	1.376.830.000	104	106		
1.6 Huyện Đoàn	817.655.000	843.825.000	103	91		
1.7 Hội Liên hiệp phụ nữ	701.134.000	757.061.000	108	102		
1.8 Hội Nông dân	771.068.000	826.669.000	107	116		
1.9 Hội Cựu chiến binh	388.316.000	442.688.000	114	84		
1.10 Phòng Giáo dục và Đào tạo	2.092.970.000	2.120.520.000	101	98		
1.11 Liên hiệp hội KHKT	126.000.000	126.000.000	100	100		
1.12 Phòng TN-MT	135.000.000	360.400.000	267	126		
1.13 Phòng Tư pháp	108.000.000	112.900.000	105	84		
1.14 Phòng Nội vụ	180.000.000	184.900.000	103	95		
1.15 Hội đồng thi đua khen thưởng	450.000.000	450.000.000	100	100		
1.16 Thanh tra huyện	89.120.000	89.120.000	100	100		
1.17 Hội khuyến học	113.400.000	115.830.000	102	102		
1.18 Hội Nạn nhân chất độc da cam	93.000.000	94.350.000	101	166		
1.19 Hội thanh niên xung phong	88.200.000	90.630.000	103	103		
1.20 Hội Bảo trợ người tàn tật	88.200.000	90.630.000	103	103		
1.21 Hỗ trợ các đơn vị	125.000.000	155.000.000	124	94		
+ Hội cựu giáo chức	10.000.000	10.000.000	100	100		
+ Ban vi sự tiến bộ phụ nữ	60.000.000	90.000.000	150	90		
+ Hội đông y	10.000.000	10.000.000	100	100		
+ Hội Hữu nghị Việt - Lào	5.000.000	5.000.000	100	100		
+ Hội Hữu nghị Việt - Nga	5.000.000	5.000.000	100	100		
+ Hội biên phòng	5.000.000	5.000.000	100	100		
+ Hội Luật Gia	15.000.000	15.000.000	100	100		
+ Hội làm vườn	10.000.000	10.000.000	100	100		
+ Câu lạc bộ thơ hồng	5.000.000	5.000.000	100	100		

STT	Nội dung	Dự toán 2018 sau khi trừ tiết kiệm chi và phân bổ tăng thu tiền đất	Quyết toán chi ngân sách năm 2018	So sánh quyết toán 2018 (%)		Ghi chú
				So với dự toán được giao	So với quyết toán năm 2017	
A	B	C	D	E	F	G
1.22	Các chế độ khác	1.419.800.000	1.134.600.000	80	144	
+ Kinh phí tôn giáo		199.800.000	199.800.000	100	100	
+ Kinh phí tổ chức các hoạt động phát triển doanh nghiệp		120.000.000	120.000.000	100	134	
+ Kinh phí tập huấn		300.000.000	91.000.000	30	46	
+ Chi khác về QLNN, ngoại vụ		500.000.000	500.000.000	100	250	
+ Học tập kinh nghiệm		300.000.000	223.800.000	75	224	
2	Chi sự nghiệp giáo dục	286.713.643.000	298.576.834.000	104	105	
2.1	Lương, phụ cấp, chi hoạt động, hỗ trợ khác	249.812.287.000	261.906.687.000	105	106	
2.2	Kinh phí thực hiện Nghị định 116/2010/NĐ-CP và Nghị định 61/2006/NĐ-CP và dự phòng biến động quỹ lương	13.401.796.000	13.401.796.000	100	78	
2.3	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ 3,4,5 tuổi	1.490.560.000	2.738.760.000	184	106	
2.4	Hỗ trợ học phí học sinh bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường	566.000.000	-	-	-	
2.5	Hỗ trợ, tăng cường cơ sở vật chất các trường học	17.000.000.000	16.141.599.000	95	123	
+ Sửa chữa nhà học, nhà bộ môn và tường rào Trường THCS Sơn Hà		200.000.000	200.000.000	100	-	
+ Hỗ trợ xã Cảm Bình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu		500.000.000	500.000.000	100	-	
+ Vốn dồi ứng Dự án kiên cố hóa trường học		2.000.000.000	2.000.000.000	100	-	
+ Công trình: Nhà học 10 phòng và kè Trường TH Cầm Lĩnh		2.000.000.000	2.000.000.000	100	-	
+ Công trình: Trụ sở làm việc Phòng GD&ĐT huyện; hạng mục Nhà làm việc 2 tầng		1.950.000.000	1.537.721.000	79	-	
+ Dự án: Nâng cấp đường Duệ - Thành đoạn từ trường tiểu học xuống trường mầm non		2.000.000.000	2.000.000.000	100	-	
+ Công trình: Trường Tiểu học Cầm Hưng; hạng mục Nhà hiệu bộ 2 tầng		1.250.000.000	991.638.000	79	-	
+ Sửa chữa nhà làm việc Trung tâm Bồi dưỡng chính trị		700.000.000	698.134.000	100	-	
+ Công trình: Trường Tiểu học Cầm Nam		200.000.000	200.000.000	100	-	
+ Công trình: Nhà học 6 phòng trường TH Cầm Thạch		1.500.000.000	1.314.106.000	88	-	
+ Công trình: Nhà học 2 phòng Trường MN xã Cảm dương		1.700.000.000	1.700.000.000	100	-	
+ Công trình: Nhà học 8 phòng 2 tầng Trường TH Cầm Duệ		2.000.000.000	2.000.000.000	100	-	
+ Công trình: Trường MN xã Cảm Phúc		1.000.000.000	1.000.000.000	100	-	
2.7	Hỗ trợ học sinh khuyết tật	524.000.000	402.144.000	77	-	
2.8	Hỗ trợ học sinh bán trú các xã đặc biệt khó khăn	731.000.000	1.259.688.000	172	-	
2.9	Chi chung toàn ngành phòng GD&ĐT	1.170.000.000	1.170.000.000	100	100	
2.10	Kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí theo Nghị định 86	2.018.000.000	1.556.160.000	77	103	
3	Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề cấp huyện	3.971.767.000	4.855.263.000	122	107	
3.1	TT DN-HN&GDTX	3.183.644.000	3.187.844.000	100	93	
3.2	TT Bồi dưỡng chính trị	788.123.000	1.667.419.000	212	243	
4	Sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao	3.686.027.000	4.034.745.000	109	85	
4.1	TT Văn Hóa - Thể dục thể thao	1.356.226.000	1.567.341.000	116	101	
4.2	BQL Khu du lịch Thiền Cầm	802.831.000	827.108.000	103	51	
4.3	Đài Truyền thanh - Truyền hình	1.018.970.000	1.297.396.000	127	107	
4.4	Phòng VH-TD-TT-DL	228.000.000	282.900.000	124	124	
4.5	Chi sự nghiệp văn hóa khác	280.000.000	60.000.000	21	50	
5	Sự nghiệp y tế	18.271.137.000	20.292.940.000	111	107	
5.1	TT Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	755.361.000	1.790.939.000	237	142	
5.2	TT Y tế dự phòng	3.518.951.000	4.500.276.000	128	107	
5.3	Viện chức y tế xã	13.870.525.000	13.870.525.000	100	105	
5.4	Phòng Y tế	96.300.000	101.200.000	105	105	
5.5	Bệnh viện đa khoa huyện	30.000.000	30.000.000	100	17	
6	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	48.193.596.000	52.855.594.000	110	100	
6.1	Hội Chữ thập đỏ	217.712.000	246.341.000	113	117	
6.2	Hội Người mù	233.992.000	255.442.000	109	91	

STT	Nội dung	Dự toán 2018 sau khi trừ tiết kiệm chi và phân bổ tăng thu tiền đất	Quyết toán chi ngân sách năm 2018	So sánh quyết toán 2018 (%)		Ghi chú
				So với dự toán được giao	So với quyết toán năm 2017	
A	B	C	D	E	F	G
6.3	Hội Người cao tuổi	106.918.000	110.158.000	103	106	
6.4	Phòng LD-TB&XH	261.000.000	642.300.000	246	116	
6.5	Ngân hàng chính sách huyện	20.000.000	20.000.000	100	9	
6.6	Bảo hiểm y tế người nghèo	4.121.974.000	4.111.174.000	100	103	
6.7	BHYT đối tượng bảo trợ xã hội	3.662.000.000	3.662.000.000	100	96	
6.8	Tro cắp thường xuyên cho các đối tượng theo Nghị định 136/NĐ-CP	39.230.000.000	35.155.000.000	90	99	
6.9	Chi đạm bảo xã hội khác	340.000.000	300.270.000	88	88	
6.10	Tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội	-	2.842.049.000	-	78	
6.11	Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	-	540.000.000	-	1.350	
6.12	BHYT CCB, TNXP, DQDK kinh phí thường xuyên TNXP	-	4.165.860.000	-	102	
6.13	Ban chỉ đạo giảm nghèo	-	805.000.000	-	-	
7	Sự nghiệp an ninh	1.205.000.000	1.480.000.000	123	145	
7.1	Công an huyện	405.000.000	1.280.000.000	316	156	
7.2	Chi An toàn giao thông	600.000.000	-	-	-	
7.3	Hỗ trợ nhiệm vụ an ninh khác	200.000.000	200.000.000	100	100	
8	Sự nghiệp quốc phòng	2.560.000.000	4.447.250.000	174	84	
8.1	Ban chỉ huy quân sự huyện	2.520.000.000	4.347.250.000	173	83	
+	Chi quốc phòng theo định mức	796.500.000	796.500.000	100	100	
+	Diễn tập quân sự	1.035.000.000	1.035.000.000	100	68	
+	Giáo dục quốc phòng	198.000.000	198.000.000	100	100	
+	Huấn luyện dân quân tự vệ	279.000.000	279.000.000	100	100	
+	Tuyên, giao quân	162.000.000	162.000.000	100	100	
+	Kinh phí ban An toàn làm chủ	49.500.000	49.500.000	100	100	
+	Kinh phí ra quân huấn luyện, chi trả ngày công lao động và thực hiện một số chế độ đối với dân quân tự vệ.	-	1.827.250.000	-	91	
8.2	Hỗ trợ các đơn vị	40.000.000	100.000.000	250	167	
+	Trung đoàn 841	20.000.000	20.000.000	100	100	
+	Đồn biên phòng 168	20.000.000	80.000.000	400	200	
9	Sự nghiệp kinh tế	38.178.987.000	38.013.180.000	100	114	
9.1	TT Ứng dụng KHKT&BVCTVN	1.773.080.000	1.782.810.000	101	91	
9.2	VP Đăng ký quyền sử dụng đất	218.584.000	223.484.000	102	96	
9.3	Phòng NN&PTNT	474.300.000	1.505.980.000	318	222	
9.4	Phòng KTHT	270.000.000	274.900.000	102	102	
9.5	VP Nông thôn mới	630.000.000	1.059.900.000	168	168	
9.6	Kinh phí đất trồng lúa theo ND 35/2015	11.211.000.000	10.768.116.000	96	107	
9.7	Kinh phí thủy lợi phí theo QĐ 2767/QĐ-UBND	3.338.000.000	3.198.686.000	96	119	
9.8	Hỗ trợ thực hiện các đề án, chính sách	18.600.000.000	18.283.861.000	98	192	
+	Công trình: Đường Nguyễn Đình Liễn (1A- HL4)	3.000.000.000	3.000.000.000	100	-	
+	Công trình: Tường rào Nghĩa trang tại Khu du lịch Thiên Cầm	1.300.000.000	1.300.000.000	100	-	
+	Công trình: Nhà kho tang vật và sửa chữa phương tiện Công an huyện	800.000.000	799.950.000	100	-	
+	Xây dựng đường bê tông xi măng Thị trấn Thiên Cầm	500.000.000	500.000.000	100	-	
+	Công trình: Đường vào Trung tâm thương mại Chợ Hội	3.000.000.000	3.000.000.000	100	-	
+	Công trình: Đường tránh lũ đoạn từ BCH quân sự huyện đến Công an huyện	500.000.000	500.000.000	100	-	
+	Công trình: Chợ Cửa xã Cẩm Hòa	2.000.000.000	2.000.000.000	100	-	
+	Công trình: Trạm y tế xã Cẩm Sơn	2.500.000.000	2.500.000.000	100	-	
+	Công trình: Đài tưởng niệm liệt sỹ xã Cẩm Mỹ	1.000.000.000	1.000.000.000	100	-	
+	Hỗ trợ các đơn vị sửa chữa, mua sắm tài sản	450.000.000	275.800.000	61	-	
+	Quy hoạch Cum công nghiệp hậu cần nghề cá Cẩm Nhượng	200.000.000	100.000.000	50	-	
+	Trà nợ công trình: Đường Cẩm Nam đi Cẩm Dương	1.000.000.000	989.717.000	99	-	
+	Xây dựng đường giao thông nông thôn xã Cẩm Dương	1.500.000.000	1.500.000.000	100	-	

STT	Nội dung	Dự toán 2018 sau khi trừ tiết kiệm chi và phân bổ tăng thu tiền đất	Quyết toán chi ngân sách năm 2018	So sánh quyết toán 2018 (%)		Ghi chú
				So với dự toán được giao	So với quyết toán năm 2017	
A	B	C	D	E	F	G
+	Công trình: Cầu Bến Voi	350.000.000	318.394.000	91	-	
+	Công trình: Cầu Khe Su, xã Cầm Minh	300.000.000	300.000.000	100	-	
+	Công trình: Đường giao thông liên thôn xã Cầm Quan (chi phí tư vấn)	200.000.000	200.000.000	100	-	
9.9	Sự nghiệp kiến thiết thị chính	995.000.000	465.443.000	47	76	
+	Tiền điện chiếu sáng đường tránh thành phố Hà Tĩnh	45.000.000	15.443.000	34	63	
+	Tiền điện chiếu sáng khu du lịch Thiên Cầm	150.000.000	150.000.000	100	100	
+	Hỗ trợ một phần tiền điện chiếu sáng Thị trấn Cầm Xuyên	300.000.000	300.000.000	100	-	
+	Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính	500.000.000	-	-	-	
9.10	Chi sự nghiệp kinh tế khác	669.023.000	-	-	-	
9.11	Hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ tại xã Cầm Thành	-	450.000.000	-	-	
10	Sự nghiệp môi trường	3.900.000.000	7.365.562.000	189	226	
10.1	Chi sự nghiệp môi trường	900.000.000	728.374.000	81	277	
10.2	Hỗ trợ xử lý rác	3.000.000.000	6.637.188.000	221	221	
11	Chi biến động tiền lương và một số nhiệm vụ khác	3.412.090.000	3.083.414.000	90	586	
12	Chi khác ngân sách	3.084.440.000	3.014.440.000	98	161	
12.1	Chi khác ngân sách theo định mức	2.639.440.000	2.639.440.000	100	207	
12.2	Ban Phòng chống lụt bão	150.000.000	30.000.000	20	22	
12.3	Hỗ trợ các đơn vị	295.000.000	345.000.000	117	95	
+	Chi cục thống kê	30.000.000	50.000.000	167	167	
+	TAND huyện	30.000.000	30.000.000	100	100	
+	Đoàn hội thầm nhân dân	15.000.000	15.000.000	100	47	
+	Hội Khoa học nhân văn	10.000.000	10.000.000	100	100	
+	VKS ND huyện	30.000.000	30.000.000	100	100	
+	Chi cục Thi hành án huyện	30.000.000	30.000.000	100	100	
+	Kho bạc Nhà nước huyện	30.000.000	30.000.000	100	100	
+	Chi cục Thuế huyện	30.000.000	30.000.000	100	100	
+	Hạt kiểm lâm huyện	20.000.000	20.000.000	100	100	
+	Bảo hiểm xã hội huyện	20.000.000	50.000.000	250	250	
+	Liên đoàn lao động huyện	50.000.000	50.000.000	100	50	
III	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	707.357.000	707.357.000	100	54	
1	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương khối giáo dục	707.357.000	707.357.000	100	-	
2	Chi tạo nguồn, điều chỉnh lương các đơn vị khác	-	-	-	-	
IV	Dự phòng ngân sách	8.018.000.000	1.627.563.000	20	50	Nguồn dự phòng chưa sử dụng là: 6.390,4 trđ; giảm chi 3.061,4 trđ để bù hụt thu ngân sách, phần còn lại 3.329,0 trđ chuyển nguồn sang năm 2019
VI	Chi chuyển nguồn ngân sách	-	55.437.317.507	-	79	
B	Chi bổ sung ngân sách cấp dưới	117.180.000.000	219.370.956.836	187	125	
I	Bổ sung trợ cấp cần đối	117.180.000.000	100.075.357.000	85	131	
II	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu	-	119.295.599.836	-	120	

24

## CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2018

Phần thu	Tổng số thu	Phần chi	Tổng số chi
<b>Tổng số thu</b>	<b>822.599.263.871</b>	<b>Tổng số chi</b>	<b>822.599.263.871</b>
1. Thu nội địa được hưởng theo phân cấp	112.596.212.717	1. Chi đầu tư phát triển	76.011.731.528
2. Thu kết dư ngân sách năm trước	10.200.000	2. Chi thường xuyên	471.779.258.000
3. Thu chuyển nguồn NS từ năm trước sang	69.813.216.154	3. Chi nộp ngân sách cấp trên	-
4. Thu ngân sách cấp dưới nộp lên	-	4. Chi chuyển nguồn sang năm sau	55.437.317.507
5. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	640.179.635.000	5. Chi bổ sung cho NS cấp dưới	219.370.956.836
6. Các khoản huy động đóng góp	-		
<b>Kết dư ngân sách năm quyết toán</b>	<b>-</b>		

*24*



**TỔNG HỢP HỤT THU/TĂNG THU NGÂN SÁCH NĂM 2018****I Tình hình hụt thu/tăng thu cân đối thường xuyên ngân sách cấp huyện, xã***ĐVT: Đồng.*

TT	Nội dung	Dự toán được giao	Thực hiện đến 31/12/2018	Hụt thu (-), tăng thu (+)
I	Về thu các sắc thuế để cân đối chi thường xuyên (loại trừ các khoản ghi thu - ghi chi, tiền bán, thanh lý tài sản Nhà nước, thu cấp quyền sử dụng đất)	<b>54,599,400,000</b>	<b>51,537,998,616</b>	(3,061,401,384)
1	Ngân sách cấp huyện	54,599,400,000	51,537,998,616	(3,061,401,384)
2	Ngân sách cấp xã	17,436,100,000	16,958,999,536	(477,100,464)

**II Các nguồn sử dụng để bù hụt thu ngân sách***ĐVT: Đồng*

TT	Nội dung	Số tiền	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3,061,401,384</b>	
I	Ngân sách cấp huyện	<b>3,061,401,384</b>	
1	Giảm chi Dự phòng ngân sách	3,061,401,384	
II	Ngân sách cấp xã	-	<b>Tăng thu</b>

## GIẢI TRÌNH PHẦN TĂNG CHI SO VỚI DỰ TOÁN ĐẦU NĂM 2017

Đơn vị tính: đồng.

STT	Đơn vị	Dự toán giao	Giải trình
<b>I</b>	<b>Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể</b>	<b>2.237.960.000</b>	
<b>1</b>	<b>Văn phòng HĐND-UBND huyện</b>	<b>1.153.817.000</b>	
-	Cấp kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 2018	214.294.000	
-	Bổ sung kinh phí chính lý hồ sơ, lưu trữ dữ liệu	50.000.000	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018
-	Cấp kinh phí hỗ trợ cán bộ đi học theo Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 25/3/2014 của UBND tỉnh	75.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí lắp đặt thiết bị nội thất, thiết bị công nghệ thông tin tại Trung tâm Hành chính công huyện	500.000.000	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018
-	Kinh phí chi trả chế độ nghỉ hưu trước tuổi	292.623.000	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018
-	Kinh phí chi trả cho cán bộ đi học theo Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 25/3/2014 của UBND tỉnh	17.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán SmartBooks Plus	4.900.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
<b>2</b>	<b>HĐND huyện</b>	<b>7.776.000</b>	
-	Cấp kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 2018	7.776.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
<b>3</b>	<b>VP Huyện ủy</b>	<b>531.065.000</b>	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Hỗ trợ kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh ngoài dự toán	30.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Cấp kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 2018	441.065.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Hỗ trợ kinh phí cho Ủy ban kiểm tra Huyện ủy thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh ngoài dự toán	30.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh ngoài dự toán	30.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
<b>4</b>	<b>Ban bảo vệ sức khỏe cán bộ</b>	<b>3.888.000</b>	
-	Cấp kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 2018	3.888.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
<b>5</b>	<b>UBMT Tổ Quốc</b>	<b>47.954.000</b>	
-	Cấp kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 2018	43.054.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán SmartBooks Plus	4.900.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
<b>6</b>	<b>Huyện Đoàn</b>	<b>26.170.000</b>	
-	Cấp kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 2018	21.270.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán SmartBooks Plus	4.900.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
<b>7</b>	<b>Hội Liên hiệp phụ nữ</b>	<b>55.927.000</b>	
-	Cấp kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 2018	44.027.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh

STT	Đơn vị	Dự toán giao	Giải trình
-	Hỗ trợ kinh phí chi trả cán bộ đi học theo Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 25/3/2014 của UBND tỉnh cho bà Trần Thị Thanh Liên	7.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán SmartBooks Plus	4.900.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
8	<b>Hội Nông dân</b>	<b>55.601.000</b>	
-	Cấp kinh phí thực hiện cài cách tiền lương 2018	50.701.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán SmartBooks Plus	4.900.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
9	<b>Hội Cựu chiến binh</b>	<b>54.372.000</b>	
-	Kinh phí chi trả chế độ trợ cấp khi nghỉ làm công tác Hội Cựu chiến binh	30.746.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Hỗ trợ Hội Cựu chiến binh huyện thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất	20.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Cấp kinh phí thực hiện cài cách tiền lương 2018	3.626.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
10	<b>Phòng Giáo dục và Đào tạo</b>	<b>27.550.000</b>	
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán SmartBooks Plus	4.900.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí cài đặt mới phần mềm quản lý trường học	16.000.000	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018
-	Kinh phí cài đặt mới phần mềm quản lý thư viện Buca (hỗ trợ 70%)	6.650.000	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018
11	<b>Phòng TN-MT</b>	<b>225.400.000</b>	
-	Kinh phí mua chế phẩm sinh học xử lý mùi tại các khu vực tập kết rác thải sinh hoạt	220.500.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán SmartBooks Plus	4.900.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
12	<b>Phòng Tư pháp</b>	<b>4.900.000</b>	
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán SmartBooks Plus	4.900.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
13	<b>Phòng Nội vụ</b>	<b>4.900.000</b>	
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán SmartBooks Plus	4.900.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
14	<b>Hội khuyến học</b>	<b>2.430.000</b>	
-	Cấp kinh phí thực hiện cài cách tiền lương 2018	2.430.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
15	<b>Hội Nạn nhân chất độc da cam</b>	<b>1.350.000</b>	
-	Cấp kinh phí thực hiện cài cách tiền lương 2018	1.350.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
16	<b>Hội thanh niên xung phong</b>	<b>2.430.000</b>	
-	Cấp kinh phí thực hiện cài cách tiền lương 2018	2.430.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
17	<b>Hội Bảo trợ người tàn tật</b>	<b>2.430.000</b>	
-	Cấp kinh phí thực hiện cài cách tiền lương 2018	2.430.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
18	<b>Ban vì sự tiến bộ phụ nữ</b>	<b>30.000.000</b>	
-	Hỗ trợ kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh ngoài kế hoạch	30.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
II	<b>Chi sự nghiệp giáo dục</b>	<b>13.871.288.000</b>	
I	<b>Lương, phụ cấp, chi hoạt động, hỗ trợ khác</b>	<b>12.094.400.000</b>	
-	Cấp kinh phí thực hiện cài cách tiền lương 2018	1.656.953.000	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018

STT	Đơn vị	Dự toán giao	Giải trình
-	Cấp kinh phí thực hiện cài cách tiền lương 2018	7.067.184.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Hỗ trợ Trường THCS Cẩm Hòa	150.000.000	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018
-	Chuyển nguồn ngân sách năm 2018 sang năm 2019 (kinh phí phần mềm kế toán)	(4.200.000)	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018
-	Hỗ trợ kinh phí cho Trường MN Cẩm Huy thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh	350.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Hỗ trợ Trường THCS Hà Huy Tập kinh phí sửa chữa, cải tạo nhà đa chức năng, nhà bộ môn	700.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Hỗ trợ Trường THCS Nguyễn Hữu Thái kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất	50.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí cài đặt mới phần mềm quản lý thư viện Buca (hỗ trợ 70%)	292.600.000	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018
-	Kinh phí cài đặt mới phần mềm quản lý trường học	568.000.000	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018
-	Kinh phí chi trả chế độ nghỉ hưu trước tuổi	550.528.000	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán Buca a-Bigtime (hỗ trợ 70%)	113.400.000	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán SmartBooks Plus	215.600.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí tinh giản biên chế theo Nghị định 108	384.335.000	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018
2	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ 3,4,5 tuổi	1.248.200.000	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018
3	Hỗ trợ học sinh bán trú các xã đặc biệt khó khăn	528.688.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
III	Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề cấp huyện	883.496.000	
1	TT DN-HN&GDTX	4.200.000	
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán MISA Mimosa.NET	4.200.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
2	TT Bồi dưỡng chính trị	879.296.000	
-	Kinh phí thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng chính trị, chuyên đề năm 2018	430.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí triển khai các lớp đào tạo, bồi dưỡng	200.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí mua sắm trang thiết bị	100.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí chi trả chế độ nghỉ hưu trước tuổi	144.396.000	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán SmartBooks Plus	4.900.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
IV	Sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao	568.718.000	
1	TT Văn Hóa - Thể dục thể thao	211.115.000	
-	Kinh phí bảo tồn và phát huy Dân ca Ví, Giặm năm 2018 theo Quyết định số 1540/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của UBND tỉnh	90.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí chi trả chế độ nghỉ hưu trước tuổi	116.215.000	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán SmartBooks Plus	4.900.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
2	BQL Khu du lịch Thiên Cầm	24.277.000	

<b>STT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Dự toán giao</b>	<b>Giải trình</b>
-	Cấp kinh phí thực hiện cài cách tiền lương 2018	20.077.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tình
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán Buca a-Bigtime (hỗ trợ 70%)	4.200.000	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018
<b>3</b>	<b>Đài Truyền thanh - Truyền hình</b>	<b>278.426.000</b>	
-	Kinh phí lắp đặt mới hệ thống các cụm loa truyền thanh không dây	98.000.000	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018
-	Cấp kinh phí thực hiện cài cách tiền lương 2018	41.334.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tình
-	Kinh phí chi trả chế độ nghỉ hưu trước tuổi	134.192.000	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán SmartBooks Plus	4.900.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tình
<b>4</b>	<b>Phòng VH-TD-TT-DL</b>	<b>54.900.000</b>	
-	Kinh phí tập huấn Đề án nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống truyền thanh	50.000.000	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán SmartBooks Plus	4.900.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tình
<b>V</b>	<b>Sự nghiệp y tế</b>	<b>2.021.803.000</b>	
<b>1</b>	<b>TT Dân số - Kế hoạch hóa gia đình</b>	<b>1.035.578.000</b>	
-	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số năm 2018	365.400.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tình
-	Kinh phí thực hiện các chính sách Dân số - KHH gia đình và phòng chống HIV/AIDS năm 2018	502.735.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tình
-	Cấp kinh phí thực hiện cài cách tiền lương 2018	25.090.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tình
-	Kinh phí chi trả chế độ nghỉ hưu trước tuổi	137.453.000	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán SmartBooks Plus	4.900.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tình
<b>2</b>	<b>TT Y tế dự phòng</b>	<b>981.325.000</b>	
-	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số năm 2018	401.100.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tình
-	Cấp kinh phí thực hiện cài cách tiền lương 2018	449.755.000	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018
-	Kinh phí chi trả chế độ nghỉ hưu trước tuổi	86.270.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tình
-	Kinh phí chi trả cán bộ đi học theo chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân đối với ông Trần Viết Trường	40.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tình
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán MISA Mimosa.NET	4.200.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tình
<b>3</b>	<b>Phòng Y tế</b>	<b>4.900.000</b>	
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán SmartBooks Plus	4.900.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tình
<b>VI</b>	<b>Sự nghiệp đảm bảo xã hội</b>	<b>434.619.000</b>	
<b>1</b>	<b>Hội Chữ thập đỏ</b>	<b>28.629.000</b>	
-	Cấp kinh phí thực hiện cài cách tiền lương 2018	24.429.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tình
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán Buca a-Bigtime (hỗ trợ 70%)	4.200.000	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018
<b>2</b>	<b>Hội Người mù</b>	<b>21.450.000</b>	

STT	Đơn vị	Dự toán giao	Giải trình
-	Cấp kinh phí thực hiện cài cách tiền lương 2018	16.550.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán SmartBooks Plus	4.900.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
3	<b>Hội Người cao tuổi</b>	<b>3.240.000</b>	
-	Cấp kinh phí thực hiện cài cách tiền lương 2018	3.240.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
4	<b>Phòng LĐ-TB&amp;XH</b>	<b>381.300.000</b>	
-	Kinh phí mua gạo trợ giúp thiêu đói dịp tết Nguyên Đán và thời gian giáp hạt 2018	207.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí chỉ đạo, tổ chức trao quà Tết Nguyên đán Mậu Tuất 2018	1.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí chỉ đạo, tổ chức trao quà nhân ngày Thương binh – Liệt sỹ 2018	1.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội năm 2017	47.000.000	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018
-	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội năm 2018	36.400.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí giám sát, triển khai các nhiệm vụ truyền thông về giảm nghèo	30.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí thực hiện dự án “ Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững” năm 2018 (chi trả cho cán bộ cấp xã tham gia)	27.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ truyền thông về giảm nghèo (chi trả cho cán bộ cấp xã tham gia thực hiện)	19.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ truyền thông về giảm nghèo (chi trả cho cán bộ cấp xã tham gia thực hiện)	8.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán SmartBooks Plus	4.900.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
VII	<b>Sự nghiệp an ninh</b>	<b>875.000.000</b>	
1	<b>Công an huyện</b>	<b>875.000.000</b>	
-	Kinh phí trang bị xe chuyên dùng theo Quyết định số 1048/QĐ-UBND ngày 06/4/2018 của UBND tỉnh	600.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Hỗ trợ đồn Công an Thiên Cầm	25.000.000	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018
-	Hỗ trợ Công an huyện kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất	250.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
VIII	<b>Sự nghiệp quốc phòng</b>	<b>1.887.250.000</b>	
I	<b>Ban chỉ huy quân sự huyện</b>	<b>1.827.250.000</b>	
-	Kinh phí thực hiện một số chế độ về dân quân tự vệ	1.827.250.000	Chuyển giao nhiệm vụ chi từ ngân sách cấp xã
2	<b>Hỗ trợ các đơn vị</b>	<b>60.000.000</b>	
-	Đồn biên phòng 168: Hỗ trợ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh	60.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
IX	<b>Sự nghiệp kinh tế</b>	<b>1.481.110.000</b>	
I	<b>TT Ứng dụng KHKT&amp;BVCTVN</b>	<b>9.730.000</b>	
-	Kinh phí đánh giá, nghiệm thu chính sách bò lai	4.830.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán SmartBooks Plus	4.900.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh

STT	Đơn vị	Dự toán giao	Giải trình
2	<b>VP Đăng ký quyền sử dụng đất</b>	<b>4.900.000</b>	
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán SmartBooks Plus	4.900.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
3	<b>Phòng NN&amp;PTNT</b>	<b>1.031.680.000</b>	
-	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ giống sản xuất vụ Đông năm 2017 (đợt 2)	479.780.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ giống sản xuất vụ Đông năm 2017 (đợt 1)	547.000.000	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán SmartBooks Plus	4.900.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
4	<b>Phòng KHTT</b>	<b>4.900.000</b>	
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán SmartBooks Plus	4.900.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
5	<b>VP Nông thôn mới</b>	<b>429.900.000</b>	
-	Kinh phí tuyên truyền, tập huấn, chỉ đạo xây dựng nông thôn mới	375.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí giám sát thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	50.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm kế toán SmartBooks Plus	4.900.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
X	<b>Sự nghiệp môi trường</b>	<b>3.637.188.000</b>	
I	<b>Hỗ trợ xử lý rác</b>	<b>3.637.188.000</b>	
-	Kinh phí trả nợ xử lý rác thải sinh hoạt năm 2016 và năm 2017	637.188.000	Kinh phí chuyển nguồn năm 2017 sang năm 2018
-	Kinh phí xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện quý quý 3 năm 2018 và trả nợ các năm 2016, 2017.	3.000.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
XI	<b>Chi khác ngân sách</b>	<b>50.000.000</b>	
I	<b>Hỗ trợ các đơn vị</b>	<b>50.000.000</b>	
+	Chi cục thông kê	20.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh
+	Bảo hiểm xã hội huyện	30.000.000	Bổ sung trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách tỉnh

24

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SỬ DỤNG CÁC NGUỒN CHUA PHÂN BỐ CHI TIẾT ĐƠN VỊ***ĐVT: Đồng.*

TT	Nội dung	Kinh phí bối trí dự toán	Kinh phí đã sử dụng	Kinh phí còn lại chưa sử dụng
1	Chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn; kinh phí thực hiện Đề án tiêm phòng, Đề án trồng cam chất lượng cao	2.007.500.000	1.133.530.000	873.970.000
2	Hỗ trợ các đơn vị sửa chữa, mua sắm tài sản	450.000.000	275.800.000	174.200.000
3	Đề án xử lý rác thải	400.000.000	400.000.000	-
4	Đề án nâng cao chất lượng hệ thống truyền thanh	300.000.000	300.000.000	-
5	Hỗ trợ xã về đích nông thôn mới và hỗ trợ khác	3.000.000.000	3.000.000.000	-
6	Tăng thu đợt 2: Đề án rác thải	200.000.000	-	200.000.000
7	Kinh phí tôn giáo	199.800.000	199.800.000	-
8	Kinh phí tổ chức các hoạt động phát triển doanh nghiệp	120.000.000	120.000.000	-
9	Kinh phí tập huấn	300.000.000	91.000.000	209.000.000
10	Chi khác về QLNN, ngoại vụ	500.000.000	500.000.000	-
11	Học tập kinh nghiệm	300.000.000	223.800.000	76.200.000
12	Kinh phí thực hiện Nghị định 116/2010/NĐ-CP và Nghị định 61/2006/NĐ-CP và dự phòng biến động quỹ lương	13.401.796.000	13.401.796.000	-
13	Chi sự nghiệp văn hóa khác	280.000.000	60.000.000	220.000.000
14	Chi đảm bảo xã hội khác	340.000.000	300.270.000	39.730.000
15	Kinh phí đất trồng lúa theo NĐ 35/2015	11.211.000.000	10.768.116.000	442.884.000
16	Kinh phí thủy lợi phí theo QĐ 2767/QĐ-UBND	3.338.000.000	3.198.686.000	139.314.000
17	Hỗ trợ các đơn vị sửa chữa, mua sắm tài sản	450.000.000	275.800.000	174.200.000
18	Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính	500.000.000	-	500.000.000
19	Chi sự nghiệp kinh tế khác	669.023.000	-	669.023.000
20	Chi sự nghiệp môi trường	900.000.000	728.374.000	171.626.000
21	Chi khác ngân sách theo định mức	2.639.440.000	2.639.440.000	-
22	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương khối giáo dục	707.357.000	707.357.000	-
23	Dự phòng ngân sách	8.018.000.000	1.627.563.000	6.390.437.000
24	Chi biến động tiền lương và một số nhiệm vụ khác	3.412.090.000	3.083.414.000	328.676.000

\* Có các biểu giải trình chi tiết từng nguồn kèm theo (Từ Phụ biểu 1.1 đến 1.24)

*2c*

## GIẢI TRÌNH CHI TỪ NGUỒN

## Chi biến động tiền lương và một số nhiệm vụ khác

A. Kinh phí bô trí dự toán: 3.412.090.000 đồng.

B. Kinh phí đã sử dụng (theo biểu chi tiết):

ĐVT: Đồng.

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.083.414.000</b>	
I	Bổ sung đơn vị cấp huyện	3.083.414.000	
1	Chi cục thống kê	106.000.000	Hỗ trợ kinh phí tổ chức điều tra thu nhập bình quân đầu người
2	Hội đồng thi đua khen thưởng	48.000.000	Kinh phí tổ chức các hoạt động kỷ niệm 70 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua ái quốc
3	Văn phòng HĐND-UBND huyện	90.000.000	Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh ngoài kế hoạch
4	Văn phòng HĐND-UBND huyện	45.600.000	Kinh phí tổ chức các hoạt động nhân ngày Báo chí Việt Nam
5	VP Huyện ủy	290.000.000	Hỗ trợ Văn phòng Huyện ủy kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất
6	TT Bồi dưỡng chính trị	30.000.000	Hỗ trợ kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất Tờ trình số 121-TTr/VPHU ngày 06/6/2018
7	VP Huyện ủy	18.000.000	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh ngoài dự toán theo Tờ trình số 128-TTr/VPHU ngày 13/8/2018
8	Ban chăm sóc sức khỏe cán bộ	48.000.000	Kinh phí tặng quà các đồng chí thuộc Ban thường vụ Huyện ủy nghỉ hưởng chế độ BHXH
9	Trường THCS Cẩm Hòa	40.000.000	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất
10	Hội Hữu nghị Việt - Nga	5.000.000	Hỗ trợ kinh phí cho Ban liên lạc tỉnh Hà Tĩnh quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam giúp cách mạng Lào
11	HĐND huyện	238.400.000	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh ngoài kế hoạch theo đề xuất tại Tờ trình số 20/TTr-HĐND ngày 29/12/2018
12	Công an huyện	350.000.000	Hỗ trợ kinh phí điều động lực lượng an ninh trật tự theo đề xuất tại Tờ trình số 1526/TTr-CACX ngày 21/12/2018
13	Phòng Nội vụ	20.000.000	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh ngoài kế hoạch năm 2018
14	Công đoàn cơ quan UBND huyện	50.000.000	Hỗ trợ kinh phí tổ chức các hoạt động trong năm 2018: Lao động xây dựng nông thôn mới, Hội thi văn nghệ, Phong trào xây dựng công sở văn minh

*2e*

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
15	Vp Huyện ủy	320.000.000	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh tại Tờ trình số 145-TTr/VP ngày 20/12/2018
16	Vp Huyện ủy	15.000.000	Hỗ trợ Ban Tuyên giáo Huyện ủy kinh phí tuyên truyền theo đề xuất tại Tờ trình số 72-TTr/TG ngày 21/12/2018
17	Phòng KTHT	25.000.000	Kinh phí tổ chức tập huấn lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển doanh nghiệp, hộ cá thể
18	Văn phòng HĐND-UBND huyện	365.480.000	Kinh phí mua sắm trang thiết bị tại Trung tâm Hành chính công và mua sắm trang thiết bị làm việc
19	Văn phòng HĐND-UBND huyện	180.475.000	Cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh ngoài kế hoạch the Tờ trình số 10/TTr-VP ngày 18/12/2018
20	Ban chỉ huy quân sự huyện	40.000.000	Hỗ trợ kinh phí tổ chức gặp mặt truyền thống đơn vị nhân kỷ niệm ngày thành lập QĐND Việt Nam
21	Ban ATGT	78.000.000	Bổ sung kinh phí thực hiện các hoạt động an toàn giao thông trên địa bàn huyện
22	VP Huyện ủy	35.000.000	Bổ sung kinh phí hoạt động tôn giáo của cấp Ủy theo đề nghị tại Tờ trình số 01-TT/BCĐTG
23	Phòng LĐ-TB&XH	25.000.000	Kinh phí thực hiện tháng hành động vệ sinh an toàn lao động theo đề xuất tại Tờ trình số 159/TT-LĐTBXH ngày 21/12/2018
24	Trường MN TT Cẩm Xuyên	379.048.000	Hỗ trợ trả nợ mua sắm cơ sở vật chất
25	Trường MN TT Cẩm Xuyên	- 54.693.000	Chuyển nguồn ngân sách năm 2018 sang năm 2019
26	TT Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	102.704.000	Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất
27	VP Huyện ủy	93.400.000	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh tại Tờ trình số 147-TTr/VP ngày 02/01/2019
28	Đồn biên phòng Thiên Cầm	70.000.000	Hỗ trợ kinh phí để phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác tuần tra, kiểm soát bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới vùng biển, đảm bảo AN-TT trên biển, địa bàn trước, trong và sau Tết Nguyên Đán 2019
29	Chi cục thống kê	30.000.000	Kinh phí tổ chức các cuộc điều tra năm 2018
<b>II</b>	<b>Bổ sung ngân sách xã</b>	<b>-</b>	

C. Kinh phí còn lại (đồng)

328.676.000

2k

## GIẢI TRÌNH CHI TỪ NGUỒN

## Dự phòng ngân sách

- A. Kinh phí bô trí dự toán: **8.018.000.000 đồng.**  
 B. Kinh phí đã sử dụng (theo biếu chi tiết):

**DVT: Đồng.**

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.627.563.000</b>	
I	Bổ sung đơn vị cấp huyện	1.485.696.000	
1	Công an huyện	100.000.000	Hỗ trợ kinh phí đảm bảo an ninh trật tự phục vụ công tác kê khai, chi trả đền bù thiệt hại sự cố môi trường biển
2	Liên hiệp hội KHKT	138.500.000	Kinh phí tổ chức Đại hội đại biểu Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật huyện lần thứ IV, nhiệm kỳ 2018 – 2023
3	Phòng LĐ-TB&XH	89.000.000	Kinh phí mua gạo trợ giúp thiều đói dịp tết Nguyên Đán và thời gian giáp hạt 2018
4	Phòng Y tế	25.000.000	Hỗ trợ kinh phí cho Ban chỉ đạo và Đoàn kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm
5	Văn phòng HĐND-UBND huyện	76.000.000	Kinh phí diệt mối khu vực cơ quan UBND huyện
6	VP Huyện ủy	90.000.000	Bổ sung kinh phí tổ chức Hội thi cán bộ kiểm tra cơ sở giỏi năm 2018 (phần còn thiếu so với kinh phí bô trí dự toán)
7	Hội khuyến học	22.000.000	Hỗ trợ kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất theo Kế hoạch số 230-TB/HU ngày 05/3/2018 của Huyện ủy
8	TT Văn Hóa - Thể dục thể thao	30.000.000	Kinh phí tham gia Hội thi tìm hiểu kiến thức về giáo dục đời sống gia đình năm 2018
9	Văn phòng HĐND-UBND huyện	148.600.000	Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh ngoài kế hoạch
10	Văn phòng HĐND-UBND huyện	30.000.000	Hỗ trợ Ban tiếp công dân kinh phí may trang phục, kinh phí tiếp công dân định kỳ
11	Hội đồng thi đua khen thưởng	351.600.000	Bổ sung kinh phí khen thưởng phát sinh tăng so với dự toán được giao
12	Công an huyện	100.000.000	Hỗ trợ kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất theo đề xuất tại Tờ trình số 981/TTr-CACX
13	Phòng Tư pháp	30.000.000	Kinh phí tổ chức Hội thi Hòa giải viên giỏi cấp huyện năm 2018
14	TT Ứng dụng KHKT&BVCTVN	194.996.000	Kinh phí đối ứng mua vắc xin tiêm phòng lở mồm long móng và lấy mẫu phát hiện vi khuẩn gây bệnh
15	Phòng KTHT	60.000.000	Kinh phí xác minh chứng lý hàng hải sản tồn kho để đền bù thiệt hại sự cố môi trường
II	Bổ sung ngân sách xã	141.867.000	

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
1	Hỗ trợ kinh phí tiêu hủy gia súc do sốc phản vệ sau tiêm phòng (NS)	1.867.000	
2	Cấp kinh phí cho Cảm Hưng hỗ trợ đột xuất	40.000.000	
3	Hỗ trợ Cảm Hà thi Cán Bộ Cơ sở Giỏi	100.000.000	

**C. Kinh phí chưa sử dụng:** **6.390.437.000** đồng.

*Trong đó:*

Giảm chi để bù hụt thu ngân sách  
năm 2018 3.061.401.384 đồng.

Phần còn lại chuyển nguồn sang năm  
2019 để tiếp tục sử dụng 3.329.035.616 đồng.

*24*

**GIẢI TRÌNH CHI TỪ NGUỒN****Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương khối giáo dục**

A. Kinh phí bố trí dự toán: **707.357.000 đồng.**

B. Kinh phí đã sử dụng (theo biếu chi tiết):

***ĐVT: Đồng.***

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>707.357.000</b>	
I	<b>Bổ sung đơn vị cấp huyện</b>	<b>707.357.000</b>	
1	Trường TH Cẩm Trung	258.050.000	Cấp kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 2018
2	Trường TH Cẩm Lĩnh	25.754.000	Cấp kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 2018
3	Trường TH Cẩm Lộc	130.068.000	Cấp kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 2018
4	Trường TH Cẩm Hà	214.508.000	Cấp kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 2018
5	Trường TH Cẩm Sơn	78.977.000	Cấp kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 2018
II	<b>Bổ sung ngân sách xã</b>	-	

C. Kinh phí còn lại (đồng)

- 

## GIẢI TRÌNH CHI TỪ NGUỒN

## Chi khác ngân sách theo định mức

- A. Kinh phí bô trí dự toán: **2.639.440.000 đồng.**  
 B. Kinh phí đã sử dụng (theo biếu chi tiết):

**ĐVT: Đồng.**

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.639.440.000</b>	
I	Bổ sung đơn vị cấp huyện	<b>2.624.440.000</b>	
1	Ban vì sự tiến bộ phụ nữ	30.000.000	Hỗ trợ kinh phí tham quan, học tập kinh nghiệm tại các tỉnh Miền Bắc
2	BQL Khu du lịch Thiên Cầm	326.000.000	Kinh phí khai trương mùa du lịch năm 2018
3	Câu lạc bộ thơ hồng	5.000.000	Hỗ trợ kinh phí tổ chức ngày lễ truyền thống
4	Công an huyện	5.000.000	Hỗ trợ Tiểu đội Cảnh sát bảo vệ mục tiêu UBND tỉnh
5	Chi cục thuế huyện	25.000.000	Hỗ trợ kinh phí cho đoàn công tác chống thất thu ngân sách
6	Đài Truyền thanh - Truyền hình	30.000.000	Hỗ trợ kinh phí thực hiện quảng bá du lịch biển
7	Hạt kiêm lâm Kẻ Gỗ	20.000.000	Hỗ trợ kinh phí mua sắm dụng cụ phòng cháy, chữa cháy rừng
8	Hội Cựu chiến binh	12.000.000	Hỗ trợ kinh phí tổ chức gặp mặt Thường trực, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh các xã, thị trấn qua các thời kỳ
9	Hội nông dân	65.800.000	Kinh phí tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2018-2023
10	Hội thanh niên xung phong	7.000.000	Hỗ trợ kinh phí tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày truyền thống
11	Phòng GD&ĐT	38.000.000	Kinh phí gặp mặt lãnh đạo 04 điểm thi THPT quốc gia năm 2018
12	Phòng NN&PTNT	50.000.000	Hỗ trợ kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh ngoài kế hoạch
13	Phòng Nội vụ	20.000.000	Hỗ trợ kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh ngoài kế hoạch
14	Phòng Nội vụ	30.000.000	Kinh phí xét tuyển viên chức các đơn vị sự nghiệp cấp huyện (Trung tâm Ứng dụng KTKT&BVCTVN và Ban quản lý Khu du lịch Thiên Cầm)
15	Phòng TN-MT	22.000.000	Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh ngoài kế hoạch
16	Phòng TN-MT	20.000.000	Kinh phí xây dựng giá đất cụ thể
17	Phòng VH-TD-TT-DL	20.000.000	Kinh phí kiểm tra dịch vụ văn hóa
18	Phòng Y tế	10.000.000	Bổ sung kinh phí còn thiếu để thực hiện một số nhiệm vụ chuyên môn
19	Thanh tra huyện	25.000.000	Hỗ trợ kinh phí giải quyết khiếu nại, tố cáo

*20.*

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
20	Trung đoàn 841	10.000.000	Hỗ trợ Đại đội thiết giáp kinh phí tổ chức các hoạt động nhân dịp Tết Nguyên đán
21	Văn phòng HĐND-UBND huyện	78.000.000	Kinh phí diệt trừ mối khu vực cơ quan UBND huyện (chi trả nợ năm 2017)
22	Văn phòng HĐND-UBND huyện	148.000.000	Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh ngoài kế hoạch
23	VP Huyện ủy	30.000.000	Hỗ trợ hội Cựu chiến binh cơ quan Huyện ủy đi thăm lại chiến trường xưa
24	VP Nông thôn mới	50.000.000	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh ngoài kế hoạch
25	VP Nông thôn mới	85.000.000	Kinh phí tổ chức cuộc thi Khu dân cư mới kiểu mẫu, vườn mẫu
26	Phòng Tư pháp	20.000.000	Hỗ trợ kinh phí tổ chức triển khai thi hành một số bộ Luật
27	Phòng Tư pháp	50.700.000	Kinh phí tổ chức Hội thi Hòa giải viên giỏi cấp huyện năm 2018
28	Phòng GD&ĐT	40.000.000	Hỗ trợ kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất theo Tờ trình số 404/TTr-PGD&ĐT ngày 10/8/2018
29	Hội chữ thập đỏ	15.000.000	Hỗ trợ kinh phí chuyển trụ sở về địa điểm mới
30	Hội Bảo trợ người tàn tật	7.000.000	Hỗ trợ kinh phí tiếp nhận và tổ chức trao tặng xe lăn cho người khuyết tật năm 2018
31	Ban ATGT	60.000.000	Kinh phí thực hiện các hoạt động an toàn giao thông trên địa bàn huyện
32	Tòa án nhân dân huyện	20.000.000	Kinh phí tổ chức phiên tòa xét xử các vụ án trọng điểm
33	Ban ATGT	40.000.000	Kinh phí thực hiện các hoạt động an toàn giao thông trên địa bàn huyện
34	Phòng Nội vụ	15.000.000	Kinh phí đón tiếp đoàn khảo sát thực trạng cung ứng dịch vụ tài chính công và nhu cầu bồi dưỡng đội ngũ cán bộ
35	Phòng Nội vụ	85.000.000	Kinh phí thực hiện Kế hoạch số 322/KH-UBND ngày 05/10/2018 của UBND tỉnh
36	Phòng Nội vụ	25.000.000	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát sinh ngoài kế hoạch tại Tờ trình số 111/TTr-NV ngày 22/8/2018
37	TT Văn Hóa - Thể dục thể thao	40.000.000	Kinh phí tham gia Đại hội thể dục thể thao toàn tỉnh lần thứ VIII năm 2018
38	Văn phòng HĐND-UBND huyện	32.600.000	Kinh phí sơ kết công tác ngân sách 06 tháng đầu năm, triển khai xây dựng dự toán 2019 và hướng dẫn quy trình huy động đóng góp tại các cơ sở giáo dục công lập
39	Hội Liên hiệp phụ nữ	40.000.000	Kinh phí tổ chức lễ vinh danh các điển hình tiên tiến trong xây dựng nông thôn mới
40	Huyện đoàn	10.000.000	Hỗ trợ kinh phí tổ chức ngày hội thanh niên với văn hóa giao thông
41	Thanh tra huyện	30.000.000	Hỗ trợ kinh phí giải quyết khiếu nại, tố cáo

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
42	Phòng KTHT	30.000.000	Kinh phí khắc phục tạm thời một số tuyến đường
43	Công an huyện	50.000.000	Hỗ trợ kinh phí thực hiện các hoạt động nghiệp vụ
44	Công đoàn cơ quan UBND huyện	25.000.000	Hỗ trợ kinh phí tổ chức gặp mặt cán bộ hữu trí UBND huyện nhân ngày Quốc khánh
45	Chi cục thuế huyện	70.000.000	Hỗ trợ kinh phí khảo sát, lập bộ thuế, thảo luận dự toán ngân sách năm 2019
46	Đồn biên phòng Thiên Cầm	37.000.000	Kinh phí tổ chức sơ kết 10 năm ngày "Quốc phòng toàn dân"
47	Hạt kiểm lâm huyện	40.000.000	Kinh phí triển khai thực hiện Luật lâm nghiệp và các nhiệm vụ khác liên quan đến bảo vệ rừng
48	Hội chữ thập đỏ	15.000.000	Hỗ trợ kinh phí tu sửa phòng làm việc tại địa điểm mới
49	Hội khuyến học	14.000.000	Hỗ trợ kinh phí thực hiện sơ kết 03 năm thực hiện đại trà Đề án 281
50	Hội khuyến học	74.340.000	Hỗ trợ kinh phí tham quan, học tập kinh nghiệm
51	Kho bạc Nhà nước huyện	20.000.000	Hỗ trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị, văn phòng phẩm
52	Phòng NN&PTNT	52.000.000	Hỗ trợ kinh phí xây dựng mô hình vườn hộ, các Lễ phát động ra quân phục vụ sản xuất, Kinh phí tổ chức các hoạt động kiểm tra
53	Phòng TN-MT	25.000.000	Kinh phí triển khai thực hiện Quyết định số 2334/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh
54	Phòng Tư pháp	40.000.000	Kinh phí tham dự hội thi Hòa giải viên giỏi toàn tỉnh năm 2018
55	Tòa án nhân dân huyện	30.000.000	Kinh phí tổ chức phiên tòa xét xử các vụ án trọng điểm
56	Trung đoàn 841	30.000.000	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn huyện
57	Trường THPT Cầm Bình	20.000.000	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Lễ đón nhận Huân chương lao động hạng II
58	VP Đăng ký quyền sử dụng đất	25.000.000	Hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát sinh ngoài dự toán
59	Vp Huyện ủy	15.000.000	Hỗ trợ Ban dân vận huyện ủy kinh phí tiếp công dân, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ
60	Vp Huyện ủy	15.000.000	Hỗ trợ Ủy ban kiểm tra Huyện ủy thực hiện các nhiệm vụ đột xuất
61	VP Nông thôn mới	80.000.000	Bổ sung kinh phí tuyên truyền, tập huấn, chỉ đạo xây dựng nông thôn mới do phát sinh ngoài kế hoạch
62	Chi cục thuế huyện	150.000.000	Hỗ trợ kinh phí cho Ban chỉ đạo thắt thu ngân sách huyện
63	Công an huyện	5.000.000	Hỗ trợ Cơ quan thi hành án dân sự Công an tỉnh Hà Tĩnh

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
64	Phòng VH-TD-TT-DL	30.000.000	Hỗ trợ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh ngoài kế hoạch năm 2018 theo đề xuất tại Tờ trình số 160/TTr-PVH ngày 20/12/2018
65	Liên đoàn lao động huyện	15.000.000	Hỗ trợ kinh phí theo đề xuất tại Tờ trình số 35/TTr-LĐLD ngày 07/11/2018 của
66	Chi cục thuế huyện	25.000.000	Hỗ trợ kinh phí tổ chức tổng kết công tác thu ngân sách năm 2017 và triển khai kế hoạch năm 2018
<b>II</b>	<b>Bổ sung ngân sách xã</b>	<b>15.000.000</b>	
1	Cầm Sơn	5.000.000	Hỗ trợ Ban liên lạc Hội Chiến sỹ cách mạng bị tù đày
2	Cầm Duệ	10.000.000	Hỗ trợ thôn Ái Quốc cầm duệ xây dựng khu dân cư kiểu mẫu

**C. Kinh phí còn lại (đồng)**

-

## GIẢI TRÌNH CHI TỪ NGUỒN

## Chi sự nghiệp môi trường

A. Kinh phí bô trí dự toán: 900.000.000 đồng.

B. Kinh phí đã sử dụng (theo biếu chi tiết):

**ĐVT: Đồng.**

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>728.374.000</b>	
I	Bổ sung đơn vị cấp huyện	728.374.000	
1	Phòng TN-MT	200.936.000	Kinh phí xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện quý quý 3 năm 2018 và trả nợ các năm 2016, 2017.
2	Phòng TN-MT	699.064.000	Kinh phí xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện quý quý 4 năm 2018
3	Phòng TN-MT	- 171.626.000	Chuyển nguồn ngân sách năm 2018 sang năm 2019
II	Bổ sung ngân sách xã	-	

C. Kinh phí còn lại (đồng)

171.626.000

*24*

## GIẢI TRÌNH CHI TỪ NGUỒN

## Chi sự nghiệp kinh tế khác

A. Kinh phí bô trí dự toán: 669.023.000 đồng.

B. Kinh phí đã sử dụng (theo biếu chi tiết):

*ĐVT: Đồng.*

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
	TỔNG CỘNG	-	
I	Bổ sung đơn vị cấp huyện	-	
II	Bổ sung ngân sách xã	-	

C. Kinh phí còn lại (đồng)

669.023.000

*✓*

## GIẢI TRÌNH CHI TỪ NGUỒN

## Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính

- A. Kinh phí bố trí dự toán: **500.000.000** đồng.  
 B. Kinh phí đã sử dụng (theo biếu chi tiết):

***ĐVT: Đồng.***

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
	<b>TỔNG CỘNG</b>	-	
I	Bổ sung đơn vị cấp huyện	-	
II	Bổ sung ngân sách xã	-	

- C. Kinh phí còn lại (đồng) **500.000.000**

24

## GIẢI TRÌNH CHI TỪ NGUỒN

## Hỗ trợ các đơn vị sửa chữa, mua sắm tài sản

A. Kinh phí bô trí dự toán: 450.000.000 đồng.

B. Kinh phí đã sử dụng (theo biếu chi tiết):

*DVT: Đồng.*

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>275.800.000</b>	
I	Bổ sung đơn vị cấp huyện	<b>275.800.000</b>	
1	Công an huyện	200.000.000	Hỗ trợ kinh phí mua sắm phương tiện phục vụ công tác
2	Văn phòng HĐND-UBND huyện	75.800.000	Kinh phí sửa chữa xe ô tô
II	Bổ sung ngân sách xã	-	

C. Kinh phí còn lại (đồng)

174.200.000

*2/2*

## GIẢI TRÌNH CHI TỪ NGUỒN

Kinh phí thủy lợi phí theo QĐ 2767/QĐ-UBND

- A. Kinh phí bố trí dự toán: **3.338.000.000 đồng.**  
 B. Kinh phí đã sử dụng (theo biểu chi tiết):

**ĐVT: Đồng.**

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.266.987.000</b>	
I	Bổ sung đơn vị cấp huyện	68.301.000	
1	Bù ngân sách cấp huyện do đã ứng nguồn để cấp cho các xã	68.301.000	
II	Bổ sung ngân sách xã	<b>3.198.686.000</b>	
1	Kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí	2.002.882.000	
2	Kinh phí thủy lợi phí đợt 2	970.725.000	
3	Thủy lợi phí đợt 3	225.079.000	

- C. Kinh phí còn lại (đồng) **71.013.000**

24

## GIẢI TRÌNH CHI TỪ NGUỒN

## Kinh phí đất trồng lúa theo NĐ 35/2015

A. Kinh phí bô trí dự toán: 11.211.000.000 đồng.

B. Kinh phí đã sử dụng (theo biếu chi tiết):

*ĐVT: Đồng.*

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.768.116.000</b>	
I	Bổ sung đơn vị cấp huyện	<b>10.251.636.000</b>	
1	BQL Chương trình bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	10.266.046.000	Kinh phí xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2018
2	BQL Chương trình bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	- 558.949.000	Hủy dự toán ngân sách năm 2018
3	Đường thôn 1 ra đồng Hồng Cẩm - xã Cẩm Thăng	552.159.000	Đường thôn 1 ra đồng Hồng Cẩm - xã Cẩm Thăng
4	Đường thôn 1 ra đồng Hồng Cẩm - xã Cẩm Thăng	- 7.620.000	Chuyển nguồn ngân sách năm 2018 sang năm 2019
II	Bổ sung ngân sách xã	<b>516.480.000</b>	
1	Kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2018	569.040.000	
2	Thu hồi kinh phí đất trồng lúa 2018	- 52.560.000	
C.	Kinh phí còn lại (đồng)	<b>442.884.000</b>	<i>2/2</i>

## GIẢI TRÌNH CHI TỪ NGUỒN

## Chi đảm bảo xã hội khác

- A. Kinh phí bố trí dự toán: **340.000.000 đồng.**  
 B. Kinh phí đã sử dụng (theo biếu chi tiết):

**ĐVT: Đồng.**

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>300.270.000</b>	
I	<b>Bổ sung đơn vị cấp huyện</b>	<b>181.200.000</b>	
	Phòng LĐ-TB&XH	47.000.000	Kinh phí tổ chức lễ dâng hương, tặng quà các đối tượng chính sách, người có công, đối tượng bảo trợ xã hội nhân dịp Tết Nguyên Đán
	Phòng LĐ-TB&XH	48.000.000	Kinh phí thuê xe đưa đón các đối tượng người có công đi điều dưỡng
	Phòng LĐ-TB&XH	30.000.000	Kinh phí tổ chức các lễ dâng hương, tặng quà nhân dịp kỷ niệm 71 năm ngày thương binh, liệt sỹ
	Hội người cao tuổi	16.200.000	Hỗ trợ kinh phí tặng quà đối tượng người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn
	Hội Bảo trợ người tàn tật	10.000.000	Hỗ trợ kinh phí tiếp nhận và tổ chức trao tặng xe lăn cho người khuyết tật năm 2018 (đợt 2)
	Phòng LĐ-TB&XH	30.000.000	Kinh phí tổ chức tuyên truyền, tập huấn công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ và phòng chống bạo lực gia đình trên cơ sở giới
II	<b>Bổ sung ngân sách xã</b>	<b>119.070.000</b>	
1	Kinh phí mừng thọ, chúc thọ người cao tuổi năm 2018 (NS huyện)	102.870.000	
2	Cấp kinh phí điều chỉnh mức trợ cấp đối với TNXP	10.800.000	
3	Trợ cấp đột xuất(qđ phòng LĐ tham mưu)	5.400.000	
	<b>C. Kinh phí còn lại (đồng)</b>	<b>39.730.000</b>	<i>✓</i>

## GIẢI TRÌNH CHI TỪ NGUỒN

## Chi sự nghiệp văn hóa khác

- A. Kinh phí bô trí dự toán: **280.000.000 đồng.**  
 B. Kinh phí đã sử dụng (theo biểu chi tiết):

**DVT: Đồng.**

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>60.000.000</b>	
I	Bổ sung đơn vị cấp huyện	<b>60.000.000</b>	
1	TT Văn Hóa - Thể dục thể thao	60.000.000	Hỗ trợ kinh phí tham gia liên hoan dân ca ví, giặm cấp liên tỉnh Hà Tĩnh – Nghệ An
II	Bổ sung ngân sách xã	-	

- C. Kinh phí còn lại (đồng) **220.000.000**

26

## GIẢI TRÌNH CHI TỪ NGUỒN

Kinh phí thực hiện Nghị định 116/2010/NĐ-CP và Nghị định 61/2006/NĐ-CP và dự phòng biến động quỹ lương

- A. Kinh phí bô trí dự toán: 13.401.796.000 đồng.  
B. Kinh phí đã sử dụng (theo biểu chi tiết):

***ĐVT: Đồng.***

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.401.796.000</b>	
I	Bổ sung đơn vị cấp huyện	13.401.796.000	
1	Bổ sung kinh phí dạy học 02 buổi/ngày năm 2018	2.113.528.000	
2	Bổ sung kinh phí thực hiện Nghị định 116, 61, 19 năm 2018	8.035.076.000	
3	Cấp kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 2018	3.253.192.000	
II	Bổ sung ngân sách xã	-	

- C. Kinh phí còn lại (đồng) - *yc*

## GIẢI TRÌNH CHI TỪ NGUỒN

## Học tập kinh nghiệm

- A. Kinh phí bố trí dự toán: **300.000.000 đồng.**  
 B. Kinh phí đã sử dụng (theo biếu chi tiết):

**DVT: Đồng.**

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>223.800.000</b>	
I	Bổ sung đơn vị cấp huyện	<b>223.800.000</b>	
1	Hội khuyến học	5.000.000	Hỗ trợ kinh phí tham quan, học tập kinh nghiệm
2	UBMT Tối quốc	30.000.000	Hỗ trợ kinh phí tham quan, học tập kinh nghiệm
3	Văn phòng HĐND-UBND huyện	28.800.000	Kinh phí tổ chức gặp mặt, học hỏi kinh nghiệm lĩnh vực Văn hóa – Xã Hội với các huyện khác trên địa bàn tỉnh
4	Văn phòng HĐND-UBND huyện	20.000.000	Hỗ trợ kinh phí đi công tác nước ngoài của Lãnh đạo UBND huyện
5	VP Huyện ủy	110.000.000	Hỗ trợ kinh phí tham quan, học tập kinh nghiệm
6	TT Bồi dưỡng chính trị	30.000.000	Hỗ trợ kinh phí tham gia khóa học Bồi dưỡng cán bộ dự nguồn BCH Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2020-2025
II	<b>Bổ sung ngân sách xã</b>	<b>-</b>	

- C. Kinh phí còn lại (đồng) **76.200.000**

## GIẢI TRÌNH CHI TỪ NGUỒN

## Chi khác về QLNN, ngoại vụ

- A. Kinh phí bồi trí dự toán: **500.000.000 đồng.**  
 B. Kinh phí đã sử dụng (theo biếu chi tiết):

**ĐVT: Đồng.**

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>500.000.000</b>	
I	Bổ sung đơn vị cấp huyện	<b>500.000.000</b>	
1	Văn phòng HĐND-UBND huyện	408.000.000	Kinh phí tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm và các nhiệm vụ phát sinh ngoài dự toán
2	VP Huyện ủy	12.000.000	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh ngoài dự toán theo Tờ trình số 128-TTr/VPHU ngày 13/8/2018
3	Vp Huyện ủy	80.000.000	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh ngoài dự toán tại Tờ trình số 131-TTr/VPHU ngày 17/10/2018
II	Bổ sung ngân sách xã	-	

- C. Kinh phí còn lại (đồng)

-

## GIẢI TRÌNH CHI TỪ NGUỒN

## Kinh phí tập huấn

- A. Kinh phí bô trí dự toán: **300.000.000 đồng.**  
 B. Kinh phí đã sử dụng (theo biếu chi tiết):

**DVT: Đồng.**

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>91.000.000</b>	
I	Bổ sung đơn vị cấp huyện	<b>91.000.000</b>	
1	Hội chữ thập đỏ	14.000.000	Kinh phí tập huấn nghiệp vụ công tác hội và phong trào chữ thập đỏ
2	Phòng LĐ-TB&XH	40.000.000	Kinh phí tập huấn, triển khai các chính sách bảo trợ xã hội
3	Văn phòng HĐND-UBND huyện	37.000.000	Kinh phí tập huấn nghiệp vụ cho chủ Tài khoản và kế toán về quản lý, điều hành ngân sách, quản lý nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản
II	Bổ sung ngân sách xã	-	

- C. Kinh phí còn lại (đồng) **209.000.000**

## GIẢI TRÌNH CHI TỪ NGUỒN

**Kinh phí tổ chức các hoạt động phát triển doanh nghiệp**

A. Kinh phí bô trí dự toán: **120.000.000 đồng.**

B. Kinh phí đã sử dụng (theo biếu chi tiết):

**ĐVT: Đồng.**

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>120.000.000</b>	
I	<b>Bổ sung đơn vị cấp huyện</b>	<b>120.000.000</b>	
1	TT Văn Hóa - Thể dục thể thao	34.160.000	Kinh phí tổ chức ngày doanh nhân Việt Nam
2	Đài Truyền thanh - Truyền hình	10.000.000	Kinh phí tổ chức ngày doanh nhân Việt Nam
3	Ban chỉ đạo phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể	45.840.000	Kinh phí tổ chức ngày doanh nhân Việt Nam
4	Ban chỉ đạo phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể	30.000.000	Hỗ trợ kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo
II	<b>Bổ sung ngân sách xã</b>	<b>-</b>	

C. Kinh phí còn lại (đồng)

-

*214*

## GIẢI TRÌNH CHI TỪ NGUỒN

## Kinh phí tôn giáo

- A. Kinh phí bối trí dự toán: **199.800.000 đồng.**  
 B. Kinh phí đã sử dụng (theo biếu chi tiết):

**DVT: Đồng.**

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>199.800.000</b>	
I	Bổ sung đơn vị cấp huyện	<b>199.800.000</b>	
1	Vp Huyện ủy	112.800.000	Kinh phí hoạt động tôn giáo năm 2018
2	UBMT Tỉnh quốc	32.000.000	Kinh phí hoạt động tôn giáo năm 2018
3	Phòng Nội vụ	55.000.000	Kinh phí hoạt động tôn giáo năm 2018
II	Bổ sung ngân sách xã	-	

- C. Kinh phí còn lại (đồng) - 20

## GIẢI TRÌNH CHI TỪ NGUỒN

## Tăng thu đợt 2: Đề án rác thải

- A. Kinh phí bô trí dự toán: 200.000.000 đồng.  
 B. Kinh phí đã sử dụng (theo biếu chi tiết):

*DVT: Đồng.*

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
	TỔNG CỘNG	-	
I	Bổ sung đơn vị cấp huyện	-	
II	Bổ sung ngân sách xã	-	

- C. Kinh phí còn lại (đồng) 200.000.000

*200*

## GIẢI TRÌNH CHI TỪ NGUỒN

## Hỗ trợ xã về đích nông thôn mới và hỗ trợ khác

A. Kinh phí bố trí dự toán: 3.000.000.000 đồng.

B. Kinh phí đã sử dụng (theo biểu chi tiết):

ĐVT: Đồng.

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.000.000.000</b>	
I	Bổ sung đơn vị cấp huyện	-	
II	Bổ sung ngân sách xã	<b>3.000.000.000</b>	
	Đường trực chính trung tâm xã Cẩm Hòa	600.000.000	
	Nhà Văn hóa thôn Mỹ Hòa	150.000.000	
	Trường học 02 tầng 08 phòng Trường TH Cẩm Duệ	750.000.000	
	Nhà khám và điều trị 02 tầng và các hạng mục phụ trợ Trạm Y tế xã Cẩm Sơn	500.000.000	
	Cổng, hàng rào và đường vào trụ sở UBND xã Cẩm Dương	350.000.000	
	Đường trực xã Cẩm Trung - Cẩm Lộc	450.000.000	
	Trả nợ Nhà văn hóa thôn Yên Thành xã Cẩm Nam	200.000.000	

C. Kinh phí còn lại (đồng)

-

## GIẢI TRÌNH CHI TỪ NGUỒN

## Đề án nâng cao chất lượng hệ thống truyền thanh

A. Kinh phí bố trí dự toán: 300.000.000 đồng.

B. Kinh phí đã sử dụng (theo biểu chi tiết):

**DVT: Đồng.**

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>300.000.000</b>	
I	Bổ sung đơn vị cấp huyện	-	
II	Bổ sung ngân sách xã	<b>300.000.000</b>	
1	Hỗ trợ kinh phí xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa dài truyền thanh cơ sở	300.000.000	Cẩm Trung 40 tr.đ, Cẩm Lộc 84 tr.đ, Cẩm Hà 40 tr.đ, Cẩm Sơn 84 tr.đ, Cẩm Thịnh 40 tr.đ

C. Kinh phí còn lại (đồng)

-

212

## GIẢI TRÌNH CHI TỪ NGUỒN

## Đề án xử lý rác thải

- A. Kinh phí bố trí dự toán: **400.000.000 đồng.**  
 B. Kinh phí đã sử dụng (theo biếu chi tiết):

**DVT: Đồng.**

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>400.000.000</b>	
I	<b>Bổ sung đơn vị cấp huyện</b>	<b>400.000.000</b>	
1	Phòng TN-MT	300.000.000	Kinh phí mua trang thiết bị hỗ trợ các Hợp tác xã vệ sinh môi trường thu gom, vận chuyển rác thải
2	Phòng TN-MT	100.000.000	Kinh phí tập huấn các vấn đề về bảo vệ môi trường và tuyên truyền phân loại, thu gom rác
II	<b>Bổ sung ngân sách xã</b>	-	

- C. Kinh phí còn lại (đồng)

-

*HL*

## GIẢI TRÌNH CHI TỪ NGUỒN

## Hỗ trợ các đơn vị sửa chữa, mua sắm tài sản

A. Kinh phí bối trí dự toán: 450.000.000 đồng.

B. Kinh phí đã sử dụng (theo biếu chi tiết):

***ĐVT: Đồng.***

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>275.800.000</b>	
I	Bổ sung đơn vị cấp huyện	<b>275.800.000</b>	
1	Công an huyện	200.000.000	Hỗ trợ kinh phí mua sắm phương tiện phục vụ công tác
2	Văn phòng HĐND-UBND huyện	75.800.000	Kinh phí sửa chữa xe ô tô
II	Bổ sung ngân sách xã	-	

C. Kinh phí còn lại (đồng)

174.200.000

24

**GIẢI TRÌNH CHI TỪ NGUỒN**

**Chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn; kinh phí thực hiện Đề án tiêm phòng, Đề án trồng cam chất lượng cao**

- A. Kinh phí bối trĩ dự toán: **2.007.500.000 đồng.**  
 B. Kinh phí đã sử dụng (theo biếu chi tiết):

**DVT: Đồng.**

STT	Đơn vị	Kinh phí đã sử dụng	Nội dung
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.133.530.000</b>	
I	Bổ sung đơn vị cấp huyện	<b>688.127.000</b>	
1	Phòng NN&PTNT	80.000.000	Cấp ứng kinh phí tập huấn, tham quan học tập kinh nghiệm, kinh phí chỉ đạo, sơ kết, tổng kết thực hiện đề án phát triển cam chất lượng cao
2	UBMT Tỉnh quốc	40.000.000	Hỗ trợ kinh phí thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh”
3	TT Ứng dụng KHKT&BVCTVN	518.127.000	Kinh phí thực hiện đề án phòng chống dịch bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi gia súc, gia cầm
4	CTCP Tư vấn và đầu tư 36	50.000.000	Kinh phí hỗ trợ xây dựng chợ Cẩm Thành
II	Bổ sung ngân sách xã	<b>445.403.000</b>	
1	Kinh phí hỗ trợ xây dựng khu dân cư kiểu mẫu cho các xã đăng ký về đích nông thôn mới năm 2017 (NS huyện)	269.650.000	
2	Thu hồi kinh phí khuyến khích phát triển NNNT theo QĐ 7903/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 của UBND huyện	- 16.413.000	
3	Đề án cam	95.166.000	
4	Hỗ trợ xây dựng vườn mẫu theo NQ 32 (NS huyện)	97.000.000	
C.	Kinh phí còn lại (đồng)	<b>873.970.000</b>	

24